

CHƯƠNG XVII

BỐN MƯƠI KỆ

(*CATTĀLĪSANIPĀTA*)

§521. CHUYỆN BA CON CHIM (*Tesakunajātaka*)¹ (J. V. 109)

Điều này cha muốn hỏi Vessan...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo giới vua xứ Kosala. Bấy giờ, vị vua này đến nghe thuyết pháp và bậc Đạo sư bảo vua như sau:

– Thừa Đại vương, một vị vua phải cai trị vương quốc chân chánh vì bất cứ khi nào các quân vương bất chánh thì quần thần cũng bất chánh theo.

Và khi giáo giới vua theo chánh đạo như đã kể trong chương IV, Ngài nêu ra những khổ đau liên hệ đến việc hành ác đạo, những hạnh phúc liên hệ đến việc từ bỏ ác đạo và trình bày đầy đủ chi tiết nổi bật hạnh phát sinh từ dục lạc, vừa so sánh dục lạc với cơn mộng hoặc tương tự như thế, Ngài vừa bảo:

Trong trường hợp những người ở đời này,
Không bậc tiền mua chuộc được tử thần,
Không từ tâm làm lắng dịu ma quân,
Không ai thắng trong chiến trường thân chết,
Vì tất cả đều có ngày tiêu diệt.

Và khi bước sang thế giới bên kia, trừ các thiện nghiệp công đức của riêng mình, con người không có một nương tựa vững chắc nào khác. Vì vậy, con người cần phải từ bỏ các mối quan hệ hạ liệt và vì thanh danh của mình, con người không được buông lung, phóng dật mà phải tinh cần thực hành giới luật chân chánh, giống như các vị vua ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời đã an trú vào lời dạy của các bậc Trí, cai trị đúng pháp và lúc từ trần đạt đến cõi trời.

Và theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại không có con kế vị và lời vua cầu xin vương tử hoặc công chúa đều không được đáp ứng. Bấy giờ, một hôm, vua cùng đông đảo quần thần hộ tống đến ngự viên, và sau khi vui chơi

¹ Xem Miln. 185, *Ahimsāniggahapañha* (Câu hỏi về sự không hãm hại và sự trấn áp).

nửa ngày trong vùng ấy, ngài bảo trái sàng tọa cho ngài nằm dưới gốc cây sālā vương giả. Sau một giấc ngủ trưa ngắn, ngài thức dậy và nhìn lên cây sālā, ngài thấy một tổ chim trên đó. Vừa chợt thấy nó, một ước muốn chiếm lấy tổ chim kia nảy sinh trong lòng, ngài truyền gọi một vị hầu cận đến bảo:

– Hãy trèo lên cây xem thử có gì trong tổ không?

Người ấy trèo lên, thấy có ba quả trứng trong đó liền trình vua. Ngài phán:

– Vậy khanh hãy cẩn thận đừng thổi hơi vào chúng!

Rồi trái một ít vãi trong một cái hộp, ngài dặn người ấy đi xuống nhẹ nhàng và đặt trứng vào trong đó. Khi trứng đã được đưa xuống xong, ngài cầm cái hộp đến hỏi các cận thần xem các trứng này thuộc giống chim gì. Họ đáp:

– Chúng thần không biết, song toán thợ săn sẽ biết.

Vua truyền gọi các thợ săn đến hỏi. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, một trứng chim cú, một trứng khác là chim nhồng và trứng thứ ba là chim anh vũ.

– Có ba loại trứng khác nhau trong cùng một tổ chim ư?

– Tâu Đại vương, phải, khi không có gì đáng lo ngại thì vật gì được khéo sắp đặt sẽ không hư hoại được.²

Vua đẹp ý bảo:

– Chúng nhất định sẽ là các con trẫm!

Rồi vua giao ba quả trứng chim cho ba vị quan trong triều chăm sóc. Ngài bảo:

– Đây sẽ là các con trẫm. Các khanh hãy cẩn thận chăm nom chúng và khi nào chim non nở ra khỏi vỏ, hãy báo tin cho trẫm!

Ba vị chăm sóc trứng chim rất chu đáo. Trước tiên, trứng chim cú được ấp nở, vị quan đầu tiên đi tìm một người thợ săn và bảo:

– Hãy xem chim non này thuộc giống gì, nó là chim trống hay mái?

Khi người ấy xem xong, nói đó là chim trống, vị quan đến trình vua:

– Tâu Đại vương, một vương nhi đã ra đời.

Vua hài lòng, ban thưởng cho ông nhiều vàng bạc và bảo:

– Hãy chăm sóc con trẫm cẩn thận và đặt tên nó là Vessantara!

Rồi ngài bảo ông ra về. Ông làm những việc được giao.

Sau đó vài hôm, trứng chim nhồng được ấp nở; vị quan thứ hai cũng vậy, sau khi báo một thợ săn xem xét và nghe nói đó là chim mái liền đi tâu trình với vua một công chúa ra đời. Vua đẹp ý ban thưởng nhiều vàng bạc và bảo:

– Hãy chăm nom con gái trẫm thật cẩn thận và đặt tên nó là Kuṇḍalinī!

² Ở đây, “khéo đặt xuống” nghĩa là mỗi một chim cứ đến khéo đẻ trứng; “không có trở ngại” nghĩa là không con nào giành tổ, không bị mổ hư trứng của con khác.

Ngài lại bảo ông ra về. Ông cũng làm những việc được giao.

Sau đó vài hôm nữa, trứng chim anh vũ được ấp nở và vị quan thứ ba, sau khi được người thợ săn xem xét kỹ, nói đó là chim trống liền đi tâu vua một vương tử mới ra đời. Vua hoan hỷ ban thưởng rộng rãi và bảo:

– Hãy làm lễ tôn vinh vương tử của trẫm thật long trọng và đặt tên nó là Jambuka!

Rồi ngài bảo ông ra về. Ông cũng làm những việc được giao.

Ba con chim lớn lên trong nhà ba vị quan ấy với mọi lễ nghi thích hợp với hoàng gia. Vua thường gọi chúng là “con trai trẫm, con gái trẫm.”

Các triều thần thường nói đùa với nhau:

– Hãy xem Chúa thượng làm kia, ngài cứ đi quanh nói chuyện về bầy chim như các con của ngài vậy!

Vua suy nghĩ: “Quần thần này không biết mức độ trí tuệ của các con ta. Ta muốn chứng tỏ việc này cho họ thấy.” Vì thế, ngài truyền một vị cận thần đến bảo Vessantara: “Phụ vương muốn hỏi vương tử một câu. Vậy khi nào ngài có thể đến hỏi được?”

Vị ấy đến chào Vessantara và truyền lại lời của vua. Vessantara mời vị quan chăm sóc mình đến và nói:

– Họ bảo Phụ vương ta muốn hỏi ta một câu. Khi ngài đến, chúng ta phải bày tỏ tất cả lòng tôn kính đối với ngài.

Và chim hỏi thêm:

– Vậy khi nào Phụ vương có thể đến?

Vị này đáp:

– Xin mời Đại vương đến vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay.

Vessantara nghe vậy liền bảo:

– Xin mời Phụ vương đến vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay.

Cùng với những lời này, chim bảo vị cận thần ra về. Ông đi đến trình vua. Vào ngày thứ bảy, vua truyền đánh trống khắp kinh thành và đi đến nhà vương nhi của ngài đang ở. Vessantara tiếp đãi phụ vương vô cùng cung kính và tỏ ra hết lòng quý trọng ngay cả với các nô tỳ và gia nhân. Sau khi vua ngự yến tiệc tại nhà Vessantara và thọ hưởng mọi sự chiêu đãi trọng thể, ngài ra về cung thất của ngài. Sau đó, ngài truyền dựng một cái đình lớn trong sân châu và truyền đánh trống khắp kinh thành báo tin. Ngài ngự vào ngôi đình nguy nga lộng lẫy được đông đảo quần thần vây quanh, rồi bảo một vị quan đưa Vessantara đến yết kiến ngài. Vị ấy đặt Vessantara lên một kim đôn, con chim đậu vào lòng phụ vương và chơi với ngài, sau đó bay qua đậu lên kim đôn ấy.

Rồi giữa quần thần, vua ngâm vãn kệ đầu hỏi chim về phận sự của quân vương:

1. Điều này cha muốn hỏi Vessan,
Cầu chúc con yêu được lạc an,
Với một vị vua mong trị nước,
Sống sao tốt đẹp nhất trần gian?

Vessantara không trả lời trực tiếp câu hỏi trên mà khiển trách vua cha về tính buông lung phóng dật và ngâm vắn kệ thứ hai:

2. Kamsa, chúa tể xứ Kāsi,
Phóng dật buông lung đã lắm khi,
Thúc giục con, dù đầy nhiệt huyết,
Phải luôn tỏ nhiệt huyết tràn trề.

Chim khiển trách vua qua vắn kệ này và bảo:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải cai trị đất nước đúng pháp và tuân thủ ba chân lý.

Rồi chim ngâm các vắn kệ nói về phận sự của quân vương:

3. Trước hết vị vua phải vứt đi,
Mọi điều giả dối, giận, khinh khi,
Phải làm những việc cần hành động,
Nếu chẳng làm xong sẽ lỗi thề.
4. Nếu trước kia đi lạc hướng tà,
Vì tham sân hướng dẫn đường vua,
Rõ ràng phải sống ăn năn tội,
Luyện tập để đừng phạm lỗi xưa.
5. Khi vua trị nước quá buông lung,
Đối với thanh danh, chẳng thật chân,
Mọi sự phồn vinh đều biến mất,
Chỉ còn ô nhục với hôn quân.
6. Thần nữ Cát Tường với Vận May,
Khi con hỏi, đã đáp như vậy:
“Chúng ta thích hạng người can đảm,
Nghị lực, thoát ly tật đồ này.”
7. Rủi ro luôn phá hoại phồn vinh,
Thích những người làm các ác hành,
Những kẻ nhẫn tâm đầy độc ác,
Trong tâm ganh tị cứ dần sinh.
8. Thân thiết mọi người, tâu Đại vương,
Để cho mọi sự được an toàn,
Tránh xa vận rủi, song làm chỗ,
An trú vận may thật vững vàng.

9. Con người tốt số lại can trường,
Ngự trị Kāsi, chính phụ vương,
Tiêu diệt địch quân từ gốc ngọn,
Hiển nhiên sẽ đạt đại vinh quang.
10. Thiên chủ Sakka mãi ngắm trông,
Tấm lòng can đảm ở phạm nhân,
Vì ngài giữ vững lòng can đảm,
Nhận thức đó là chánh thiện lương.
11. Thát-bà, thiên chúng lẫn loài người,
Ca ngợi minh quân ấy hết lời,
Các bậc thần linh đều ủng hộ,
Tán dương nhiệt huyết lẫn anh tài.
12. Nỗ lực làm bao việc chánh chân,
Dù ai phỉ báng, chẳng buông lung,
Chuyên tâm tinh tấn làm điều thiện,
Phóng dật chẳng mong đạt phước phần.
13. Đây là phận sự của quân vương,
Dạy bảo phụ vương bước đúng đường,
Đủ đạt phước phần cho thiện hữu,
Hoặc mang sầu não đến cừu nhân.

Như thế, chim Vessantara đã khiển trách vua phóng dật trong mười một vần kệ, rồi ngâm mười một vần kệ nữa để giảng đạo lý, trả lời câu hỏi của vua với trí tuệ của một bậc Giác ngộ. Tâm quần chúng tràn đầy thích thú lẫn kinh ngạc chưa từng có và vô số tiếng reo tán thán vang dậy. Vua xúc động với niềm hân hoan liền hỏi quần thần phải làm gì cho vương tử vì đã nói như vậy. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, vương tử phải được phong chức Đại tướng quân.

Ngài phán:

– Tốt lắm, trăm ban cho vương tử chức Đại tướng.

Và ngài bổ nhiệm Vessantara vào chức vụ còn trống ấy. Từ đó về sau, ở địa vị này, vương tử thực hành mọi ước nguyện của phụ vương.

Đến đây chấm dứt chuyện về câu hỏi chim Vessantara.

Lại nữa, sau vài ngày, cũng như trước kia, vua gửi thông điệp đến Kuṇḍalinī và vào ngày thứ bảy, ngài ngự đến thăm chim con rồi trở về cung, ngự giữa ngôi đình và truyền đưa Kuṇḍalinī đến yết kiến ngài. Khi chim này đã đậu trên kim đôn, ngài ngâm vần kệ hỏi chim về phận sự của quân vương:

14. Kuṇḍalinī, ái điều hoàng gia,
Con hãy đáp câu hỏi của cha,

Kẻ muốn lên ngôi vua trị nước,
Sống sao tốt nhất cõi người ta?

Khi vua cha hỏi chim về phận sự của quân vương như thế, chim con đáp:

– Tâu Phụ vương, con chắc Phụ vương muốn thử con vì nghĩ rằng: “Nữ nhi có thể bảo ta việc gì nào?” Vậy con xin đáp lời Phụ vương bằng cách đặt mọi phận sự của quân vương vào đúng hai phương châm.

Và chim ngâm các vần kệ sau:

15. Vấn đề được đặt, hỏi cha thân,
Trong cặp phương châm thật rõ ràng:
Gìn giữ những gì ta đã đạt,
Và thành đạt những gì chưa thành.
16. Quốc sư hãy chọn các Hiền nhân,
Thấy lợi ích vua thật rõ ràng,
Không gian dối và không phí phạm,
Thoát ly cờ bạc, rượu say nồng.
17. Người vậy hộ phòng vua chánh chân,
Nhiệt tình bảo vệ các kho tàng,
Như người điều ngự vương xa ấy,
Lèo lái giang sơn đến phú cường.
18. Luôn trị thần dân thật khéo khôn,
Giữ gìn đúng đắn các kho lương,
Đừng giao kẻ khác cho vay mượn,
Phải tự mình làm đúng kỷ cương.
19. Những ích lợi hay việc hại mình,
Đại vương phải biết thật phân minh,
Phải chê trách kẻ mang lầm lỗi,
Khen thưởng những người thật xứng danh.
20. Và chính bản thân, tâu Đại vương,
Dạy thần dân mọi nẻo hiền lương,
Kéo e quốc độ cùng tài sản,
Phải hóa mỗi quan lại ác gian.
21. Canh phòng hành động của vua quan,
Cẩn thận, đừng nên quá vội vàng,
Vì kẻ ngu làm không nghĩ ngợi,
Về sau chắc chắn sống ăn năn.
22. Ta chẳng bao giờ được hận sân,
Vì chứng sân hận vỡ tràn lan,
Liên đem nguy hại cho vua chúa,
Đánh bại bao người, gia tộc tan.

23. Phải biết chắc rằng bậc Đại vương,
Đừng đưa dân chúng bước sai đường,
E rằng tất cả người nam nữ,
Sa đọa vào trong biển khổ buồn.
24. Khi vua dứt bỏ mọi lo toan,
Dục lạc là nguồn sống bản thân,
Tài sản, kho tàng đều mất hết,
Chỉ còn ô nhục với hôn quân.
25. Đây là nhiệm vụ của quân vương,
Chỉ dạy Phụ vương bước đúng đường,
Thực hiện chuyên tâm, toàn thiện nghiệp,
Chống điều quá độ, thói hoang tàn,
Hộ phòng giới hạnh, vì lầm lỗi,
Luôn dẫn đến đau khổ, đoạn trường.

Như vậy, Kuṇḍalinī cũng dạy phận sự của quân vương trong mười một vần kệ. Vua thích thú hỏi quần thần:

- Phải ban thưởng gì cho ái nữ của trăm vì đã nói như vậy?
- Tâu Đại vương, ban chức Thủ ngân khố.

Và vua chỉ định Kuṇḍalinī vào địa vị còn trống ấy. Từ đó, chim này giữ chức vụ trên và làm việc cho vua.

Đến đây chấm dứt chuyện về câu hỏi chim Kuṇḍalinī.

Sau chừng vài ngày, cũng như trước kia, vua truyền sứ giả đến gặp trí điều Jambuka, rồi khi ngài đến viếng nhà con trai vào ngày thứ bảy, đã được chiêu đãi trọng thể tại đó, ngài trở về cung. Và cũng như trên, ngài ngự vào bảo tòa giữa cung đình, một vị cận thần đặt trí điều Jambuka lên một kim đôn, rồi đội kim đôn trên đầu mình. Chim anh vũ thông thái ngồi trong lòng phụ vương, chơi với ngài rồi sau đó đậu trên kim đôn ấy. Khi đó, vua ngâm vần kệ hỏi chim:

26. Chúng ta đã hỏi đủ hoàng huynh,³
Và cả Kuṇḍalinī đẹp xinh,
Đến lượt Jambuka hãy nói,
Cho cha biết lực tối cao mình.

Như vậy, trong lúc đặt vấn đề với Bồ-tát, vua đã không hỏi theo cách vua đã hỏi hai chim kia mà hỏi theo một cách đặc biệt. Lúc ấy, con chim thông thái bảo ngài:

– Tốt lắm, tâu Phụ vương, xin hãy lắng nghe kỹ, con sẽ trình Phụ vương tất cả!

³ Chỉ cho chim Vessantara, dòng Kosiya.

Rồi giống như một người đặt chiếc túi đựng một ngàn đồng tiền vào một bàn tay mở rộng, chim bắt đầu thuyết giảng phận sự của quân vương:

27. Năm loại lực này ở thế gian,
Làm cho người vĩ đại muôn phần,
Ở đây yếu nhất trong năm lực,
Được kể là từ lực của thân.
28. Lực từ của cái, kính thưa ngài,
Thì đó được xem lực thứ hai,
Còn lực thứ ba đề cập đến,
Là lời cổ vấn, người khuyên hay.
29. Lực thứ tư thì chắc chắn rằng,
Xuất thân dòng tộc quý, cao sang,
Những người có trí vượt qua hết,
Tất cả mục tiêu ấy dễ dàng.
30. Lực tối ưu trong các lực này,
Khả năng trí tuệ chính là đây,
Nhờ vào tuệ lực mà người trí,
Hiểu biết điều lành, lợi ích ngay.
31. Ví thử quốc gia đại phú cường,
Rơi vào tay của một ngu nhân,
Một người khác sẽ dùng cường bạo,
Chiếm nước, gây bao nổi oán hờn.
32. Dù quân vương quý tộc cao sang,
Phận sự chính là ngự trị dân,
Vua ấy quả là rất khó sống,
Nếu vua chứng tỏ trí ngu đần.
33. Trí tuệ xét xem các việc làm,
Làm cho danh vọng mãi tăng dần,
Người nào trí tuệ đầy thông thái,
Vẫn thấy vui dù gặp khổ buồn.
34. Không ai sống phóng dật buông lung,
Lại có thể nào đạt trí thông,
Nhưng phải theo lời khuyên bậc Trí,
Nếu không sẽ mãi mãi ngu đần.
35. Ai dậy sớm, luôn giữ đúng thời,
Chuyên tâm không mải mệt, vui tươi,
Làm bao phận sự đang mời gọi,
Chắc chắn thành công ở giữa đời.

36. Ai hướng tâm vào việc tôn thương,
Hoặc hành động với trí buông lung,
Việc gì kẻ ấy hòng theo đuổi,
Cũng chẳng thể nào đạt ước mong.
37. Song ai không mỏi mệt, chuyên cần,
Theo đuổi đường đời thật chánh chân,
Chắc chắn sẽ đạt thành trọn vẹn,
Bất kỳ công việc họ đang làm.
38. Hộ phòng, bảo vệ các kho tàng,
Là tạo nguồn tài lợi lớn dần,
Đây chính những điều con ước muốn,
Phụ vương hãy tạc dạ ghi lòng!
Vì do ác nghiệp, người ngu trí,
Cũng giống nhà lau sậy rộng không,
Sụp đổ tan tành trong chốc lát,
Đặng sau để lại cảnh tiêu vong.

Như vậy, qua các vần đề này, Bồ-tát vừa ca ngợi năm uy lực vừa tán dương uy lực của trí tuệ, như người dùng lời nói gõ vào mặt trống, ngài khuyến giáo vua trong mười một vần kệ:

39. Với song thân, hỡi đáng Anh quân,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
40. Đại vương hỡi, đối vợ con thân,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
41. Đại vương đối bạn, người thân cận,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
42. Đại vương đối bộ binh, xa binh,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
43. Đại vương đối thị tứ, làng thôn,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

44. Đại vương đối đất nước, vùng biên,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
45. Đối Sa-môn với Bà-la-môn,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
46. Đối loài chim, thú, hời Quân vương,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
47. Thực hành chân pháp, hời Quân vương,
Mang lại quả lành, nhiều lạc an,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
48. Thực hành chân pháp, hời Quân vương,
Đế-thích, chư thiên và Phạm thiên,
Đạt cõi trời nhờ hành khéo léo,
Đại vương theo pháp, chớ khinh thường!

Sau khi ngâm mười vần kệ về nếp sống chân chánh, ngài lại ngâm vần kệ kết thúc để khuyến giáo vua thêm nữa:

49. Đây là phận sự của quân vương,
Dạy bảo Phụ vương bước đúng đường,
Theo bậc Trí làm người thiện hảo,
Hiểu điều chân lý thật hoàn toàn.⁴

Như vậy, Bô-tát đã thuyết pháp với tất cả về kỳ diệu của một bậc Giác ngộ, chẳng khác nào đem dải thiên hà từ trên trời xuống. Quần thần tỏ ra vô cùng kính trọng ngài và vô số tiếng hò reo tán thán vang dậy. Vua hân hoan hỏi các quốc sư:

- Làm sao để vương tử của trăm, trí điều Jambuka với chiếc mỏ như quả hồng đào tươi mát được phần thưởng vì đã nói như thế?
- Tâu Đại vương, xin ban chức Thống soái.
- Thế thì trăm sẽ ban cho con trăm chức vụ ấy.

Vua phán rồi chỉ định vương nhi vào chức vụ còn trống ấy. Từ đó về sau, ở địa vị thống soái, ngài thi hành các mệnh lệnh của phụ vương.

⁴ Xem J. IV. 412, *Rohantamigajātaka* (Chuyện lạc vương Rohanta), số §501.

Cả ba chim con đều được tôn vinh trọng thể và cả ba đã khuyên giáo vua các vấn đề về thể sự và thánh sự. Vua an trú vào lời giáo giới của Bồ-tát, chuyên bố thí và làm các thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới.

Sau khi cử hành tang lễ cho vua, quân thần nói với ba con chim con:

– Tâu Chúa công Jambuka, tiên vương đã ra lệnh giương chiếc lọng hoàng gia lên che cho Chúa công.

Bồ-tát đáp:

– Ta không cần vương quốc, các vị hãy chuyên tâm tinh giác lo việc trị nước!

Sau khi an trú quốc dân vào giới đức, ngài bảo:

– Hãy thực hành công lý!

Rồi ngài truyền đem cách xử án công bằng khắc vào một tấm bảng vàng và biến mất vào rừng. Lời giáo huấn của ngài tiếp tục có hiệu lực trong bốn mươi ngàn năm.

Bậc Đạo sư giảng pháp thoại này làm phương tiện giáo giới vua và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda (A-nan), Kuṇḍalinī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Vessantara là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và chim Jambuka chính là Ta.

§522. CHUYỆN ĐẠI NHÂN THIỆN XẠ SARABHANGA
*(Sarabhaṅgajātaka)*⁵ (J. V. 125)

Vòng vàng, xiêm áo thật cao sang...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về sự diệt độ của Trưởng lão Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên).

Còn về phần Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất), sau khi được đức Như Lai chấp thuận trong lúc Ngài trú tại tinh xá Kỳ Viên, Trưởng lão liền đi đến làng Nāla và nhập diệt tại đó, ngay chính trong căn phòng xưa kia Trưởng lão sinh ra đời.⁶ Bậc Đạo sư nghe tin Trưởng lão nhập diệt liền đến thành Rājagaha (Vương Xá), trú tại Veluvana (Trúc Lâm).

Lúc ấy, Trưởng lão Mahāmoggallāna trú ngay trên sườn núi Isigili (chư tiên đọa xứ) tại Hắc Thạch động. Trưởng lão khi đắc Thánh quả, nhờ thần thông có thể lên trời hay xuống địa ngục. Trên thiên giới, Trưởng lão thấy các vị đệ tử của đức Phật thọ hưởng đại quyền lực. Còn ở hạ giới, Trưởng lão lại thấy đệ tử của đám ngoại đạo tà giáo chịu đau khổ kinh hồn. Nên khi trở về cõi nhân gian, Trưởng lão kể cho mọi người nghe chuyện trên một cõi thiên kia có một cận sự nam này hay cận sự nữ nọ được tái sinh thọ hưởng vinh quang cao trọng; còn

⁵ Xem S. I. 226, *Araññāyatanaisutta* (Kinh Các ẩn sĩ ở rừng).

⁶ Xem J. I. 390, *Mahāsudassanajātaka* (Chuyện Vua Đại Thiên Kiến), số §95.

những kẻ theo ngoại đạo tà giáo lại có người thác sinh vào địa ngục hay các đọa xứ đầy đau khổ khác.

Dân chúng hoan hỷ với lời dạy của Trưởng lão, bác bỏ tà thuyết ngoại đạo. Họ bày tỏ sự tôn kính rất mực đối với các đệ tử của đức Phật, còn lòng kính trọng đối với các ngoại đạo sư giảm dần. Bọn ấy sinh lòng căm hận vị Trưởng lão này, bảo nhau:

– Bao lâu lão này còn sống là còn nhiều chia rẽ giữa các tín đồ của ta, lòng tôn trọng đối với ta bị mất dần. Vậy ta phải giết lão đi mới được!

Họ liền đưa một ngàn đồng tiền cho tên cướp thường canh giữ các ẩn sĩ để giết vị này. Gã liền quyết tâm giết Trưởng lão nên đi đến Hắc Thạch động cùng với nhiều đồng bọn. Vị Trưởng lão khi thấy gã đến liền dùng thần lực bay lên không biến mất. Hôm ấy, tên cướp không thấy Trưởng lão đành trở về nhà rồi lại đến trong sáu ngày liền, song Trưởng lão vẫn dùng thần thông biến mất như trước. Vào ngày thứ bảy, một tiền nghiệp do Trưởng lão gây ra trong một đời trước mang theo hậu quả lâu dài ở đời sau, giờ đây đang có cơ duyên xuất hiện để gây tai họa.

Chuyện kể rằng, một thuở xa xưa, vì nghe theo lời vợ mình xúi giục, vị này tìm cách làm cho cha mẹ mình chết đi, đã đem xe chở cha mẹ mình vào rừng, giả vờ như bị bọn cướp tấn công rồi đánh đập song thân. Do tuổi già mắt kém không thấy mọi vật rõ ràng, hai vị không nhận ra chính con mình, cứ tưởng có bọn cướp thật liền kêu lên:

– Con ơi, bọn cướp đang giết mẹ cha, vậy con hãy trốn đi!

Rồi họ chỉ than khóc vì con mình thôi. Vị này liền nghĩ: “Dù cha mẹ ta bị ta đánh đập, hai vị chỉ vì ta mà than khóc đó thôi. Ta thật đã làm một việc đáng sỉ nhục.” Vì thế, ông an ủi mẹ cha, giả vờ bảo bọn cướp đã bị đánh đuổi đi rồi và vỗ về tay chân cha mẹ, thưa rằng:

– Xin song thân chớ sợ, bọn cướp trốn cả rồi.

Sau đó, ông đem cha mẹ về nhà. Hành nghiệp này mãi từ lâu không tìm được cơ duyên, nhưng vẫn đợi thời như ngọn lửa ấp ủ dưới tro tàn, bùng dậy bắt lấy vị này khi tái sinh lần cuối nên vị Trưởng lão mang nghiệp quả đã chín muồi ấy không thể nào bay lên không được nữa. Thần thông của Trưởng lão này ngày xưa đã có lần nhiếp phục Nanda cùng Upananda, hai long vương và làm rung chuyển cả điện Vejayanta (Tối Thắng) ở thiên cung, giờ đây vì chịu nghiệp quả phải suy yếu đi. Thế là tên cướp đập nát xương ngài ra, bắt ngài chịu thứ cực hình gọi là “rom và bột”, rồi tưởng ngài đã chết nên cùng đồng bọn bỏ đi. Nhưng khi Trưởng lão tỉnh lại liền dùng định lực bao phủ thân mình như đắp y bay lên không, trở về yết kiến bậc Đạo sư, đánh lễ Ngài và thưa:

– Bạch Thế Tôn, thọ mạng của con đã tận, con sắp tịch diệt.

Rồi được bậc Đạo sư chấp thuận, Trưởng lão nhập diệt ngay tại chỗ. Vào lúc ấy, sáu cõi thiên giới cùng nổi lên chấn động, chư thiên đồng nhau khóc:

– Thầy của chúng ta đã tịch diệt!

Thiên chúng liền đem hương liệu, tràng hoa ngát mùi hương thiên giới cùng gỗ đủ loại đến và giàn hỏa táng được dựng lên bằng gỗ chiên-đàn cùng chín mươi chín bảo vật.

Bậc Đạo sư bảo Tăng chúng đặt kim thân Trưởng lão vào địa điểm hành lễ, trong lúc Ngài đứng ngay cạnh đó, suốt trong khoảng một do-tuần quanh giàn hỏa táng, hoa trời rơi xuống như mưa sa. Chư thiên và loài người cũng đứng chen nhau dự lễ, rồi dạ-xoa, càn-thát-bà, rồng, Kim Sí điểu, khải-na-la đứng vào, đến bảo cái, tràng phan. Thánh lễ diễn ra suốt bảy ngày. Bậc Đạo sư bảo lượm Xá-lợi của Trưởng lão và dựng đèn thờ trong ngôi nhà có nóc nhọn tại Trúc Lâm.

Vào lúc ấy, trong pháp đường, Tăng chúng đưa đề tài ấy ra, bảo nhau:

– Thừa các Hiền hữu, Trưởng lão Xá-lợi-phất vì không diệt độ trong khi yết kiến Như Lai nên không được hưởng nghi lễ trọng thể từ bàn tay đức Phật, còn Trưởng lão Mục-kiền-liên vì diệt độ cạnh bậc Đạo sư nên đã được vinh dự cao cả như thế.

Bậc Đạo sư đến nơi, hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi đàm luận vấn đề gì và khi được biết, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Mục-kiền-liên cũng nhận được đủ vinh dự từ bàn tay Ta.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai phụ nhân vị quốc sư của hoàng gia. Sau mười tháng, ngài được sinh ra đời vào một sáng sớm kia. Lúc ấy, một loạt đủ loại binh khí ở kinh thành Ba-la-nại sáng rực trong khoảng mười hai do-tuần. Vị quốc sư ấy, vào hôm hài nhi ra đời, bước ra khỏi cửa nhìn lên trời để tiên đoán số mạng của con và biết rằng hài nhi sinh ra theo một sự kết hợp của các vì sao ở thiên giới, về sau chắc chắn sẽ làm thủ lĩnh thiện xạ toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vì thế, ông vội đi thật sớm đến hoàng cung vâng an vua. Khi vua phán:

– Nay quốc sư, làm sao trẫm an khang được, hôm nay một loạt vũ khí sáng rực lên trong cung.

Ông tâu:

– Xin Đại vương chớ sợ, không những chỉ trong cung mà khắp kinh thành đều thấy ánh sáng của binh khí. Đó là do một hài nhi ra đời trong nhà chúng thần.

– Nay quốc sư, việc ra đời của một hài nhi trong những cơ duyên như thế sẽ đem lại hậu quả gì?

– Tâu Đại vương, không hề gì cả, nhưng sau này hài nhi ấy sẽ là thủ lĩnh của các thiện xạ trong cõi Diêm-phù-đề.

– Tốt lành thay, này quốc sư, hãy khéo chăm sóc hài nhi và khi nó lớn lên, hãy đem nó đến trình diện trẫm!

Nói xong, vua ra lệnh ban một ngàn đồng tiền để nuôi dưỡng hài nhi. Vị quốc sư nhận lãnh đem về nhà. Vào ngày đặt tên hài nhi, ông gọi hài nhi là Jotipāla (Hộ Minh) vì có ánh sáng của các binh khí trong lúc hài nhi ra đời. Hài nhi được nuôi dưỡng rất đầy đủ và đến năm mười sáu tuổi, chàng có dung sắc tuyệt hảo. Thân phụ chàng thấy tướng mạo khác thường như vậy liền bảo:

– Này con, con hãy đi đến thành Takkasilā và thọ giáo mọi môn học từ một vị danh sư tiếng tăm lẫy lừng thế giới!

Chàng tuân lệnh, đem theo học phí, giã từ song thân rồi lên đường đến đó. Chàng dâng lên một ngàn đồng tiền làm lễ nhập học rồi bắt đầu thọ giáo, chỉ trong vòng bảy ngày đã đạt đến tuyệt đích.

Vị Tôn sư kia hoan hỷ tặng chàng một bảo kiếm của mình, một chiếc cung sừng dê và một bao đựng tên, cả hai được buộc vào nhau thật khéo, một áo giáp của ông cùng một chiếc mũ rồi bảo chàng:

– Này con Jotipāla yêu quý, ta đã già, vậy con hãy tập luyện các môn đồ này!

Vị này lại trao cho chàng năm trăm môn đồ. Bỏ-tát nhận lãnh mọi vật xong, tạ từ sư phụ, trở về Ba-la-nại để thăm viếng song thân.

Thân phụ nhìn thấy chàng cung kính đứng trước mặt liền hỏi:

– Này, con đã học xong chưa?

– Thừa cha, đã xong.

Nghe chàng trả lời thế, người cha liền vào cung và trình vua:

– Tâu Đại vương, con trai của tiểu thần đã học hành xong, bây giờ phải làm gì nữa?

– Quốc sư hãy đem chàng vào chầu ta!

– Tâu Đại vương, xin ban bổng lộc thế nào?

– Cứ ban cho chàng mỗi ngày một ngàn đồng tiền.

Vị quốc sư tuân lệnh ngay, trở về nhà gọi con trai ra bảo:

– Này con, con phải vào chầu đức vua.

Từ đó, mỗi ngày chàng hưởng một ngàn đồng tiền và lo phụng sự nhà vua.

Các quan cận thân lộ vẻ bất mãn:

– Chúng ta không thấy Jotipāla làm gì cả, thế mà hưởng một ngàn đồng tiền mỗi ngày, ta muốn xem chàng có biệt tài gì.

Vua nghe họ nói thế liền nói với quốc sư. Ông tâu:

– Tâu Đại vương, xin vâng lệnh.

Rồi ông trở về nhà nói chuyện với con trai.

– Thừa thân phụ, thế thì tốt quá, vào ngày thứ bảy kể từ nay, con sẽ xin trình diễn tài nghệ, xin đức vua triệu tập tất cả xạ thủ trong nước về đây.

Vị quốc sư đi vào cung, tâu vua mọi chuyện mà chàng nói. Vua truyền lệnh đánh trống khắp kinh thành triệu tập các xạ thủ. Họ đến rất đông, tính được tất cả là sáu mươi ngàn người. Vua nghe họ đã tề tựu liền phán:

– Dân chúng khắp kinh thành hãy đến chứng kiến tài nghệ của Jotipāla!

Sau khi cho trống truyền tin ra, ngài ban lệnh chuẩn bị sân châu, rồi được đông đảo tùy tùng theo hầu, ngài ngự lên bảo tòa nguy nga; vừa khi triệu tập tất cả xạ thủ xong, ngài cho mời Jotipāla. Dưới lớp y trong, chàng mang cung, bao tên, áo giáp và mao, những vật đã được vị sư phụ tặng chàng trước kia. Chàng lại bảo mang thanh kiếm cho chàng và đến yết kiến vua trong bộ thường phục của chàng rồi cung kính đứng sang một bên.

Các xạ thủ kia suy nghĩ: “Người ta đồn Jotipāla đến đây cho chúng ta thấy biệt tài của chàng, nhưng chàng đến mà không mang kiếm chứng tỏ chàng muốn nhận kiếm từ tay ta.” Thế rồi họ lại thỏa thuận với nhau sẽ không trao kiếm cho chàng. Vua bảo Jotipāla:

– Hãy cho ta thấy tài nghệ của khanh!

Thế là chàng tung ra một tấm màn giống túp lều quanh chàng rồi đứng vào trong đó, cởi áo khoác ra, nịt áo giáp trong xong mang áo giáp ngoài và buộc mao lên đầu. Sau đó, chàng lại giương sợi dây mao san hô trên chiếc cung sừng dê, buộc bao tên sau lưng và thanh kiếm bên sườn trái; chàng xoay tít mũi tên có đầu nhọn đính kim cương trên móng tay chàng, tung bức màn ra và xuất hiện như một vị long vương vọt lên từ lòng đất với trang phục huy hoàng rực rỡ và đứng đánh lễ vua.

Quần chúng thấy chàng liền nhảy lên reo hò vỗ tay vang dội. Vua bảo:

– Nay Jotipāla, hãy trình diễn tài nghệ của khanh!

Chàng đáp:

– Tâu Đại vương, trong các xạ thủ này có những người bắn tên nhanh như chớp, chẻ được cả sợi tóc, hay bắn vào một tiếng động mà không cần nhìn thấy, hoặc bắn gãy một mũi tên đang rơi. Xin triệu bốn vị đó đến đây.

Vua liền triệu họ ngay. Bậc Đại sĩ dựng rạp trên một khoảng đất vuông trong sân châu, bốn góc chàng để bốn xạ thủ ấy đứng; mỗi vị được phát cho ba mươi ngàn mũi tên, bảo người đưa tận tay mỗi vị; còn chính chàng cầm mũi tên có gắn đầu kim cương ấy đứng giữa rạp nói lớn:

– Tâu Đại vương, xin cho bốn xạ thủ này bắn tên vào tiểu thần. Tiểu thần sẽ gạt hết tên bắn ấy ra ngoài.

Vua ra lệnh cho họ làm như vậy. Họ đáp:

– Tàu Đại vương, chúng thần bắn tên nhanh như chớp, lại chẻ được cả sợi tóc, hay bắn vào một tiếng động mà không cần nhìn thấy, hoặc bắn gãy mũi tên đang rơi; còn Jotipāla chỉ là chàng trai mới lớn, chúng thần không muốn bắn vào chàng.

Bậc Đại sĩ bảo:

- Nếu các ngài bắn được ta thì cứ bắn.
- Đồng ý!

Họ bảo và đồng loạt bắn tên. Bậc Đại sĩ gạt tên tới tấp bằng mũi tên sắt của chàng, bằng đủ cách làm chúng rớt xuống đất rồi xoay một vòng quanh chúng. Chàng chắt chúng lên thành một kho đầy tên xếp ăn khớp với nhau, cán với cán, chuôi với chuôi, lông chim với lông chim, cho đến khi tất cả các mũi tên của toán xạ thủ được dùng hết sạch. Chàng thấy vậy mà không muốn đựng vào kho tên kia, chàng liền nhảy lên không đến trước vua. Dân chúng reo hò vang dậy, la hét nhảy múa vỗ tay, ném cả áo quần, đồ trang sức thành một đồng của cải châu báu đến một trăm tám mươi triệu đồng. Lúc ấy, vua hỏi:

- Này Jotipāla, Khanh gọi xảo thuật này là gì?
- Tàu Đại vương, đó là cách đỡ tên.
- Có nhiều người biết cách ấy chẳng?
- Tàu Đại vương, không có ai ngoài tiểu thần trong toàn cõi Diêm-phù-đề.
- Khanh hãy biểu diễn xảo thuật khác đi!
- Tàu Đại vương, bốn xạ thủ kia đứng bốn góc không bắn trúng tiểu thần được. Song nếu họ cứ đứng bốn góc ấy, thần sẽ bắn trúng cả bọn họ chỉ bằng một mũi tên thôi.

Bốn xạ thủ kia không dám đứng đó nữa, vì thế bậc Đại sĩ dựng bốn cây chuối ở bốn góc, buộc mỗi sợi chỉ đỏ tía trên phần gắn lông chim của mũi tên rồi chàng bắn mũi tên nhắm vào một cây chuối. Mũi tên đâm vào cây chuối xuyên qua đến cây thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi trở lại cây đầu tiên mà nó đã vừa xuyên thủng rồi trở về trong tay vị xạ thủ, đồng thời các cây chuối đứng vòng quanh theo sợi chỉ đỏ. Dân chúng lại hò reo vang dậy.

Vua hỏi:

- Xảo thuật này gọi là gì, Jotipāla hiền hữu?
- Tàu Đại vương, đó là vòng tròn bị xuyên thủng.
- Thế Khanh trở thêm tài nghệ nữa đi.

Bậc Đại sĩ liền trình diễn các kiểu bắn tên hình gậy, hình dây thừng, hình bện tóc và biểu diễn các xảo thuật khác gọi là bắn tên hình cái đài cao, tên hình ngôi đình, tên hình bức tường, tên hình cầu thang, tên hình hồ nước, tên hình hoa sen nở và bắn mưa tên.

Như vậy, chàng biểu diễn mười hai tài nghệ vô song và làm gãy bảy vật lớn vô địch. Chàng bắn thủng một tấm ván gỗ sung dày hai tấc, một tấm gỗ asana (kha từ) dày một tấc, một đĩa đồng dày năm phân, một đĩa sắt dày hai phân; và sau khi bắn thủng một trăm tấm ván ghép vào nhau, lần lượt chàng bắn mũi tên vào phía trước, vào các toa xe đựng đầy rom, cát và ván gỗ rồi làm cho tên xuyên qua phía sau, rồi lại bắn phía sau các toa xe và làm cho tên xuyên qua phía trước.

Chàng bắn mũi tên xuyên qua một khoảng độ hai trăm năm mươi mét dưới nước và hơn năm trăm mét trên đất liền, chàng lại bắn trên chóp quả cà tím cách khoảng sáu mươi mét ngay dấu hiệu đầu tiên nó vừa lay động theo gió. Bỏ-tát tung tên ra, tạo thành hình cái đài cao, v.v... giữa không trung, rồi lại dùng một mũi tên bắn tan các tên rơi xuống, gọi là phá hình tên. Khi chàng biểu diễn mọi kỳ công về tài nghệ này xong, mặt trời vừa lặn.

Lúc ấy, vua hứa ban cho chàng chức Tổng lãnh binh và bảo:

– Nay Jotipāla, nay đã tối rồi, ngày mai khanh sẽ nhận vinh dự làm Đại tướng quân. Hãy đi cắt tỉa râu tóc và tắm gội!

Cùng ngày ấy, vua ban cho chàng một trăm ngàn đồng tiền để chi tiêu. Bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu thần không cần tiền.

Rồi chàng ban tài sản trị giá một trăm tám mươi triệu đồng cho các vị lãnh chúa và cùng đông đảo tùy tùng đi ra sông tắm. Sau khi đã tô điểm râu tóc và mặc xiêm y với đủ loại trang sức, chàng thưởng thức cao lương mỹ vị xong, đến nằm nghỉ trên vương tòa; ngủ được hai canh, đến canh cuối cùng chàng thức giấc, ngồi xếp bằng trên vương tòa, suy nghĩ đến phần khởi đầu, phần giữa và phần cuối việc phô diễn kỳ công về tài nghệ của mình.

Chàng nghĩ thầm: “Tài nghệ của ta hiển nhiên khởi đầu là chết chóc, phần giữa là thọ hưởng ái dục và cuối cùng là tái sinh vào địa ngục. Vì hủy diệt mạng sống và buông lung phóng dật trong việc thọ hưởng dục, tội lỗi sẽ đưa đến tái sinh vào địa ngục. Vua ban ta chức Đại tướng quân và uy quyền cao trọng sẽ về tay ta. Ta sẽ có vợ con nhưng nếu các dục lạc cứ tăng mãi thì thật khó thoát ra được. Bây giờ, ta bỏ đời sống thế tục để đi vào rừng sống đời ẩn sĩ tu hành là đúng đắn nhất.”

Bậc Đại sĩ đứng lên khỏi vương tòa, không cho ai biết, ngài bước xuống từ thượng lầu, ra đường bằng cửa hậu, đi vào rừng một mình đến một nơi trên bờ sông Godhāvarī gần rừng Kaviṭṭha rộng chừng ba do-tuần.

Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nghe tin ngài xuất gia liền triệu thần Vissakamma đến và bảo:

– Nay Hiền hữu, Jotipāla đã xuất gia và một hội chúng đông đảo sẽ hầu ngài. Vậy hãy dựng am ẩn sĩ bên bờ sông Godhāvarī gần rừng Kaviṭṭha và cung cấp đủ vật dụng cần thiết cho đời sống tu hành!

Thần Vissakamma tuân lệnh. Còn bậc Đại sĩ khi đến nơi, thấy con đường vừa cho một người đi bộ, nghĩ thầm: “Chắc đây là nơi dành cho các vị khổ hạnh trú thân”, rồi đi theo con đường đó, ngài không gặp ai liền bước vào lều cỏ, chợt thấy vật dụng dành cho đời ẩn sĩ, ngài tự bảo: “Chắc Thiên chủ Sakka biết ta đã xuất gia.” Rồi cởi áo khoác, ngài đắp thượng y và hạ y bằng sợi vỏ cây đã được nhuộm, khoác tấm da hươu lên một bên vai. Ngài buộc các cuộn tóc, khoác lên vai túi đựng các vật dụng, cầm gậy nhỏ đi đường bước ra khỏi am, leo lên thêm đi kinh hành.

Như vậy, ngài đã làm vinh quang khu rừng bằng vẻ cao đẹp của đời sống khổ hạnh và sau khi thực hành pháp môn thiền định đề mục biến xứ xong, vào ngày thứ bảy kể từ khi xuất gia, ngài chuyên tâm tu tập tám thiền chứng và năm thắng trí, theo hạnh độc cư, đi khát thực và dùng củ quả rừng.

Cha mẹ, thân bằng, bà con quyến thuộc không thấy ngài đâu liền đi tìm khắp nơi, lòng buồn phiền thất vọng. Sau đó, một sơn nhân đã từng gặp và nhận ra bậc Đại sĩ trong vùng am thất Kavitttha kia liền đi báo với song thân ngài và họ tâu trình vua. Vua phán:

– Này, ta đi thăm chàng ngay.

Rồi cùng với song thân chàng và một đoàn tùy tùng theo hầu, vua đến bờ sông Godhāvārī theo con đường mà sơn nhân ấy đã chỉ dẫn. Bồ-tát đến bờ sông, ngồi trên không thuyết pháp cho hội chúng nghe, sau đó dẫn hội chúng về am, ngài cũng ngồi trên không, giảng rõ cho họ nỗi đau khổ vì tham đắm dục lạc rồi dạy họ Chánh pháp. Tất cả cùng với vua xuất gia tu hành.

Bồ-tát vẫn tiếp tục sống ở đó cùng hội chúng tu hành chung quanh ngài. Tin ngài ẩn cư tại đó lan rộng khắp cõi Diêm-phù-đề. Vua chúa cùng quần thần đến đó sẵn sàng theo lệnh ngài, hội chúng dần dần lên đến hàng ngàn người. Hễ ai nghĩ đến tham dục, hay muốn hại người khác, bậc Đại sĩ liền đi đến, ngồi trên không và thuyết pháp cho người ấy cùng dạy pháp môn thiền đề mục biến xứ.

Bảy đại đệ tử của ngài là Sālissara,⁷ Mēḍissara, Pabbata, Kāladevala, Kisavaccha, Anusissa và Nārada. Các vị này nhờ tuân hành lời thuyết giáo của ngài, đều đạt tám thiền chứng và thiền định viên mãn. Dần dần, vùng thảo am Kavitttha trở nên đông đúc, không còn chỗ cho các vị ẩn sĩ sống nữa.

Bậc Đại sĩ liền bảo Sālissara:

– Này Sālissara, nơi này không đủ cho các ẩn sĩ ở. Vậy Hiền hữu đi cùng hội chúng này đến ẩn cư gần thị trấn Lambacūḷaka thuộc thành trì của Vua Caṇḍapajjota.

Vị này tuân lệnh ấy, đem theo hội chúng hàng ngàn người đến cư trú ở đó. Nhưng nhiều người vẫn đến gia nhập với hội chúng khổ hạnh kia nên thảo am lại đông dần như trước. Bồ-tát nói với Mēḍissara:

⁷ Xem J. III. 463, *Indriyajātaka* (Chuyện các căn), số §423.

– Này Meṇḍissara, trên biên giới xứ Surattṭha có dòng sông Sātodikā, Hiền hữu hãy đem chúng ần sĩ này đến cư trú trên bờ sông ấy!

Và ngài bảo vị ấy ra đi. Cũng cách ấy, lần thứ ba, ngài gọi Pabbata đến bảo:

– Này Pabbata, trong đại lâm có núi Ārañjara, Hiền hữu hãy đến an trú tại đó!

Lần thứ tư, ngài gọi Kāḷadevala đến bảo:

– Phía Nam quốc độ Avanti là núi Ghanasela, Hiền hữu hãy đến an trú gần đó!

Dần dần, thảo am tại Kavittṭha lại đông đảo dù đã có năm hội chúng ần sĩ đi đến cư trú năm vùng khác nhau, tính được mấy ngàn người. Rồi Kisavaccha xin phép bậc Đại sĩ đến cư trú trong ngự viên gần vị tổng tướng quân tại kinh thành Kumbhavatī trong quốc độ của Vua Daṇḍakī. ần sĩ Nārada cư trú trong địa phận chính của dãy núi Ārañjara. Còn Anusissa ở lại cùng bậc Đại sĩ.

Vào thời ấy, Vua Daṇḍakī thất sủng một cung phi mà trước kia vua rất quý trọng nên trong lúc buồn phiền, nàng đi ngao du đến ngự viên kia; khi thấy ần sĩ Kisavaccha, nàng liền nghĩ: “Chắc hẳn đây là kẻ mang vận xui. Ta phải vứt bỏ tội lỗi của ta trên người của kẻ này rồi đi tắm rửa.” Trước hết, nàng cầm cây tắm xĩa răng rồi nhổ ra một đồng nước bọt ngay trên nắm tóc bện lại của vị ần sĩ, nàng còn ném cây tắm trên đầu vị này rồi đi tắm.

Còn vua khi nhớ đến nàng, lại cho nàng phục chức như cũ. Trong lúc lòng say sưa cuồng nhiệt, nàng kết luận rằng nàng phục hồi vinh dự ấy là do vứt bỏ được tội lỗi của mình trên con người xui xẻo kia. Không lâu sau đó, vua lại cách chức của vị tể sư hoàng gia, lão này cũng đi hỏi nàng cung phi kia nhờ cách gì nàng được phục chức. Nàng kể lại đó là nhờ nàng vứt bỏ tội lỗi trên con người xui xẻo ở trong ngự viên.

Lão quốc sư cũng đi vứt bỏ tội lỗi của mình theo cách ấy và cũng được vua phục chức như cũ. Thời ấy, dần dần có loạn ở biên giới, vua đem một đoàn quân đi đánh trận. Lão quốc sư đang cuồng nhiệt mê mờ kia tâu vua:

– Tâu Đại vương, Đại vương muốn thắng hay bại?

Vua bảo:

– Thắng!

Lão liền nói:

– Thế thì có người xui xẻo đang trú ngụ trong ngự viên, xin Đại vương đem tội lỗi đến vứt lên đầu gã ấy!

Vua tán thành ý kiến ấy, phán:

– Các binh sĩ hãy cùng đi với trẫm đến ngự viên vứt bỏ tội lỗi lên con người xui xẻo kia!

Khi đến nơi, trước tiên vua ngậm cây tắm rồi nhổ nước bọt và thả cây tắm rơi trên mớ tóc bện chặt của vị ần sĩ, sau đó còn làm ướt đầu ngài, cả đoàn quân

lính cũng làm theo như vậy. Khi vua đi rồi, vị tổng tướng quân đến, thấy vị ả sĩ liền lấy cây tăm ra khỏi tóc và tắm gội cho vị này thật sạch sẽ xong lại hỏi:

– Đức vua sau này sẽ ra sao?

– Thưa ngài, tâm ta không sân hận gì, nhưng chư thần phần nộ nên vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, quốc độ của ngài sẽ tan tành, ngài nên mau thoát đi nơi khác.

Vị tướng quân vô cùng kinh hãi, về tâu vua. Vua không tin, vì thế vị tướng quân đem vợ con trốn sang quốc độ khác. Bậc Đạo sư Sarabhaṅga (tức Bồ-tát Jotipāla) nghe tin ấy liền bảo hai ả sĩ trẻ tuổi đến đem Kisavaccha trên chiếc cánh bay về từ trên không. Còn vua đánh trận xong, đem đám phản loạn làm tù binh trở về thành.

Vào lúc vua trở về, trước hết chư thần làm mưa xuống, các xác chết được cơn mưa lũ cuốn trôi đi hết, lại có trận mưa cát trắng tinh khiết, rồi có mưa hoa trời rơi trên lớp cát trắng tinh khiết, trên hoa trời có mưa tiền nhỏ rơi xuống, sau đó có mưa tiền lớn, tiếp theo là trận mưa đầy châu báu cõi trời.

Dân chúng hân hoan lượm báu vật bằng vàng ròng. Sau đó, rơi xuống trên thân họ một trận mưa đủ loại binh khí đang bùng cháy, dân chúng bị phân thân tan tành. Kế đến là trận mưa than hồng nóng bỏng rơi trên người họ và trên các đám lửa cao như núi ấy rơi xuống một trận mưa cát mịn tràn ngập một khoảng rộng chừng sáu mươi *cubit*.⁸ Một phần quốc độ rộng sáu mươi do-tuần bị tàn phá tan tành và tin trận hủy diệt này loan ra khắp toàn cõi Diêm-phù-đề.

Các lãnh chúa trong các xứ chư hầu, ba vị vua xứ Kālīṅga, Atthaka và Bhīmaratha nghĩ thầm: “Ngày xưa ở Ba-la-nại, vua xứ Kāśi là Kalābu⁹ đã phạm tội với ả sĩ Khantivādī, chuyện kể rằng vua ấy bị nuốt vào lòng đất; cũng vậy, Vua Nālikīra đem các ả sĩ cho chó ăn thịt; Vua Ajjuna có ngàn cánh tay đã phạm tội với Aṅgīrasa nên cũng chết như cách trên. Nay Vua Daṇḍakī phạm tội với Kisavaccha nên tương truyền cũng bị tan tành quốc độ, bị hủy diệt hết thảy. Chúng ta không biết các vị vua ấy tái sanh cõi nào, không ai trừ ngài Sarabhaṅga, Đạo sư của chúng ta có thể nói về điều này. Vậy chúng ta hãy đi hỏi ngài!”

Rồi cả ba vị vua cùng đồng đảng tùy tùng đi hỏi chuyện này. Nhưng dù cả ba vị vua đã nghe tin đồn như vậy như kia cũng không biết thực hư ra sao, mỗi vị cứ tưởng rằng chỉ riêng mình lên đường nên khi không còn cách xa Godhāvarī mấy, cả ba vị vua gặp nhau, cùng bước xuống các vương xa và ngự lên một chiếc vương xa duy nhất để cùng lên đường đến bờ sông Godhāvarī.

Vào lúc ấy, Thiên chủ ngự trên ngai hoàng cầm thạch, xem xét bảy vấn đề và tự nhủ thầm: “Ngoại trừ bậc Đạo sư Sarabhaṅga, không có ai trên trần thế

⁸ 1 *cubit* = 45cm.

⁹ Xem J. III. 40, *Khantivādijātaka* (Chuyện đạo lý kham nhẫn), số §313.

hay thiên giới có thể giải đáp các vấn đề trên. Vậy ta hãy đi hỏi ngài! Ba vị vua kia đã đi đến bờ sông Godhāvārī để hỏi bậc Đạo sư Sarabhaṅga. Ta cũng sẽ đến hỏi ngài vấn đề ba vị kia hỏi.”

Sau đó, được chư thiên của hai thiên giới hộ tống, ngài giáng trần. Ngay hôm ấy, ần sĩ Kisavaccha từ trần nên lúc cử hành tang lễ có vô số hội chúng ần sĩ cư trú ở nhiều nơi khác nhau đến dựng giàn hỏa táng bằng gỗ chiên-đàn để hỏa thiêu ngài. Và quanh chỗ hỏa thiêu khoảng chừng nửa do-tuần, hoa trời rơi xuống như mưa.

Bậc Đại sĩ sau khi xem xét việc cất giữ phần di cốt của vị đệ tử xong liền vào am cùng các ần sĩ theo hầu và ngồi xuống. Khi các vua đến bờ sông, có tiếng nhạc quân hành trỗi. Bậc Đại sĩ nghe vậy, bảo ần sĩ Anusissa:

– Ông hãy ra xem nhạc ấy có ý nghĩa gì?

Sau khi cầm bình nước uống, ần sĩ đến đó, khi thấy ba vị vua, ngài ngâm vần kệ đầu để thăm hỏi:

50. Vòng vàng, xiêm áo thật cao sang,
Chư vị đeo gươm nạm bảo trân,
Trân trọng kính chào chư đại tướng,
Danh gì cho biết giữa trần gian?

Nghe lời ngài hỏi, ba vị vua liền xuống xe đánh lễ ngài. Trong ba vị, Vua Atthaka lên tiếng đáp lời ngài qua vần kệ thứ hai:

51. Bhīmaratha, danh đế Kālīṅga,
Cùng trăm, Atthaka chính hiệu ta,
Yết kiến chư Hiền nhân khô hạnh,
Đến đây tham vấn đủ ba vua.

ần sĩ bảo ba vị vua:

– Thế thì tâu Đại vương, các ngài đã đến tận nơi các ngài muốn. Sau khi tắm rửa nghỉ ngơi, các ngài vào am đánh lễ hội chúng ần sĩ rồi đem vấn đề ra hỏi Đạo sư Sarabhaṅga.

Như vậy, ngài chuyện trò thân mật cùng ba vị vua rồi cầm lấy bình nước và lau hết những giọt nước rớt ra ngoài. Ngài nhìn lên thấy Thiên chủ Sakka được đông đảo chư thiên hộ tống đang giáng trần ngự trên lưng thiên tượng Erāvaṇa, ần sĩ liền đối thoại với Thiên chủ qua vần kệ thứ ba:

52. Ngài ngự trên cao, giữa cõi trời,
Như vàng trắng tỏa ánh vàng soi,
Đại Thiên thần, dám xin ngài dạy,
Danh tiếng ngài sao ở cõi đời.

Nghe thế, Thiên chủ đáp vần kệ thứ tư:

53. Sujampati danh tiếng trên trời,
Tên gọi Maghavā ở cõi đời,
Thiên chủ hôm nay vừa giáng thế,
Thăm Hiền nhân khổ hạnh bao người.

Lúc ấy, ân sĩ Anusissa nói với ngài:

– Tâu Thiên chủ, xin ngài hãy theo chúng thần!

Rồi cầm bình nước, vị ân sĩ vào am, cất bình nước xong liền đến báo tin cho bậc Đại sĩ biết có ba vị vua cùng Thiên chủ giáng thế để hỏi ngài một số vấn đề. Lúc ấy, hội chúng ân sĩ vây quanh Đạo sư Sarabhaṅga đang an tọa giữa một khoảng rộng có rào che. Ba vị vua đến đánh lễ chúng ân sĩ rồi ngồi xuống một bên. Còn Thiên chủ Sakka đến gần hội chúng, chấp tay vái chào và tán thán hội chúng này qua vắn kệ thứ năm:

54. Ân sĩ vang danh đã hội đây,
Thần thông và đại lực tràn đầy,
Tôi thành tâm đánh lễ Hiền thánh,
Bậc thượng nhân trong thế giới này.

Thiên chủ Sakka chào hội chúng như vậy xong liền ngồi riêng ra để tránh khỏi sáu cố tật lúc ngồi. Sau đó, ân sĩ Anusissa thấy ngài ngồi phía dưới hội chúng liền ngâm vắn kệ thứ sáu:

55. Ân sĩ xuất gia đã lâu ngày,
Mùi từ cơ thể gió mang bay,
Tựa tràng đủ loại hoa thơm ngát,
Tôn giả, chúng tôi mong ước thay,
Hương ấy chừ thiên thật muốn có,
Nên không nhờm góm mùi hương này.

Nghe nói vậy, Thiên chủ Sakka đáp vắn kệ khác:

56. Dù các Thánh nhân tuổi đã già,
Gây mùi xúc phạm mũi người ta,
Nhiễm ô luồng khí đưa hương ngát,
Ta vẫn yêu mùi Thánh bốc ra,
Hơn các tràng hoa thơm rục rở,
Chừ thiên chẳng ghét chuyện kia mà.

Nói vậy xong, ngài thêm:

– Nay ân sĩ Anusissa, ta gắng công đến đây để hỏi một số vấn đề, xin hãy cho phép ta làm việc ấy!

Nghe xong lời Thiên chủ Sakka, ân sĩ Anusissa liền từ chỗ ngồi đứng dậy ngâm hai vắn kệ đề nghị với hội chúng ân sĩ:

57. Sujam phu tướng,¹⁰ Maghavā,¹¹
Thí chủ lòng danh, chúa quý ma,
Dẹp lũ yêu tinh, Thiên đế ấy,
Ước ao được hỏi chuyện cùng ta.

58. Ai đây trong các bậc Hiền nhân,
Giải đáp vấn đề thật khó khăn,
Cho cả ba vua đang trị nước,
Và Sakka, Chúa tể thiên thần?

Nghe vậy, cả hội chúng ản sĩ đều bảo:

– Này Hiền hữu Anusissa, bạn nói chẳng khác nào bạn không thấy quả đất bạn đang ở. Ngoại trừ bậc Đạo sư Sarabhaṅga của chúng ta, còn ai xứng đáng để trả lời các vấn đề kia nữa?

Nói xong, các vị ấy liền ngâm vãn kệ khác:

59. Sarabhaṅga, Thánh giả chân hiền,
Thanh tịnh, thoát ly mọi trước phiền,
Pháp tử tinh thông trì giới luật,
Giải trừ nghi hoặc của nhân, thiên.

Nói xong, hội chúng bảo ản sĩ Anusissa:

– Thừa Hiền hữu, xin Hiền hữu nhân danh hội chúng đến đánh lễ bậc Đạo sư và tìm cơ hội thưa với ngài về vấn đề Thiên chủ đặt ra.

Vị này chấp thuận ngay rồi tìm được cơ hội liền ngâm tiếp vãn kệ khác:

60. Ngài Koṇḍañña, xin trả lời!
Thánh hiền ản sĩ đang kêu nài,
Đây là quy luật của người định,
Bậc trưởng thượng mang bốn phận này.

Bậc Đại sĩ liền chấp thuận và ngâm vãn kệ sau:

61. Cho phép người đem hỏi chuyện gì,
Thực lòng người vẫn ước mong nghe,
Đời này, đời kế, ta đều biết,
Trí chẳng nghi nan mọi vấn đề.

Sau khi được bậc Đại sĩ cho phép, Thiên chủ đưa ra vấn đề ngài chuẩn bị hỏi.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ sự việc này:

¹⁰ Sujam, viết đủ: Sujampati (善生主), phu quân của nàng Sujā, tức chỉ cho Thiên chủ Sakka (Đế-thích).

¹¹ Maghavā, tên của Thiên chủ Sakka trong một tiền kiếp, khi ấy được sanh làm một nam tử ở làng Macala thuộc nước Magadha (Ma-kiệt-đà). Tham khảo: *S. I.* 231; *J. I.* 127; *III.* 146; *IV.* 403; *VI.* 102, 481, 573.

62. Thiên chủ tìm chân lý pháp trần,
Đến chư Hiền giả lượng khoan hồng,
Đề ngài học những điều mong biết,
Và bắt đầu tham vấn mọi phần.
63. Cái gì ta phải diệt hoàn toàn,
Mà chẳng bao giờ hối tiếc không,
Và cái gì ta cần vứt bỏ,
Mà người hiền thiện thấy đồng lòng?
Lời ai, ta phải cần kham nhẫn,
Cho dầu là thô lỗ tận cùng?
Đây chính là điều ta ước muốn,
Kondaṇṇa Thánh giả nói cho thông.

Bậc Đại sĩ ngâm kệ giải thích vấn đề:

64. Sân hận là tâm phải diệt trừ,
Mà ta chẳng hối tiếc bao giờ,
Giả nhân, giả nghĩa cần quăng bỏ,
Được tán đồng ngay bởi bậc từ.
Ta phải nhin lời từ mọi phía,
Dù lời thô lỗ thật vô bờ,
Lòng kham nhẫn ấy, Hiền nhân bảo,
Đệ nhất ngôi cao quả thật là.

Thiên chủ:

65. Những lời thô ác của hai người,
Ta phải kiên tâm chịu đựng hoài,
Là bậc trên, người cùng đẳng cấp,
Song làm sao nhẫn nhin bao lời,
Của người thấp kém hơn ta nữa,
Là việc ta mong học hỏi ngài.

Sarabhaṅga:

66. Lời ác thô từ các bậc trên,
Ta thường kham nhẫn bởi lòng kiên,
Hoặc không tranh cãi người đồng đẳng,
Song nhin lời thô kẻ thấp hèn,
Là chính viên thành lòng nhẫn nhục,
Như lời Hiền thánh vẫn thường khuyên.

Các vần kệ trên đây là những lời đối đáp giữa hai vị. Khi ngài nói xong, Thiên chủ Sakka bảo bậc Đại sĩ:

– Thừa Thánh giả, trong phần đầu ngài bảo: “Nhẫn nhin lời thô lỗ của mọi người, đó là lòng kiên nhẫn tối thượng”, song nay ngài lại bảo: “Nhẫn nhin lời

thô lỗ của kẻ dưới, đó là lòng kiên nhẫn tối thượng.” Lời nói sau không ăn khớp với lời nói đầu tiên của ngài.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói với Thiên chủ:

– Thưa Thiên chủ, lời sau cùng này của ta dành cho một người nhẫn nại lời nói thô lỗ của một kẻ mà người ấy biết là thấp kém hơn mình, còn lời nói đầu tiên của ta là do khi chỉ nhìn bề ngoài, ta không thể biết chắc hoàn cảnh của người khác có thấp kém hơn ta hay không.

Rồi để nêu rõ thật khó khi chỉ nhìn bề ngoài mà phân biệt người thấp kém hay cao sang, trừ phi là phải qua tiếp xúc thân mật, ngài liền ngâm kệ:

67. Khó nhìn hào nhoáng vẻ bề ngoài,
Mà đoán hơn, thường hay giả dạng,
Tồi tàn xuất hiện ở trong đời.
Vậy thì bạn hỡi, ta khuyên nhủ,
Hãy nhẫn lời thô của mọi người!

Khi nghe điều này, Thiên chủ đầy lòng tín thành, cầu xin ngài:

– Thưa Tôn giả, xin Tôn giả thuyết giảng cho chúng ta biết lợi lạc của sự nhẫn nhục này.

Bậc Đại sĩ liền ngâm kệ:

68. Sức mạnh quân vương đến bực nào,
Cũng không thắng lợi chốn binh đao,
Bằng Hiền nhân tạo nhờ kham nhẫn,
Đại nhẫn xóa tan mọi hận cừu.

Khi bậc Đại sĩ đã thuyết giảng các công đức do nhẫn nhục tạo nên như vậy xong, các vị vua suy nghĩ: “Thiên chủ Sakka hỏi vấn đề của riêng ngài mà lại không đề cho chúng ta có cơ hội hỏi vấn đề của chúng ta.”

Biết được ước vọng của các vua ấy, Thiên chủ đề riêng bốn vấn đề ngài đã chuẩn bị trước đây qua một bên, và khi hỏi về mỗi hoài nghi của các vị vua kia, Thiên chủ ngâm kệ này:

69. Lời ngài đang dạy thật êm tai,
Song muốn hỏi thêm một chuyện này,
Xin hỏi phạm Daṇḍakī chúa tể,
Cùng ba tòng phạm lỗi lầm gây,
Cõi nào phải tái sanh đầy đọa,
Vì phá Thánh hiền thế giới đây?

Bậc Đại sĩ ngâm năm vần kệ giải đáp các vấn đề trên:

70. Thuở nọ tan tành cả quốc gia,
Vì làm ô nhục Thánh Kisa,
Daṇḍakī ngã xuống Kukula địa,
Trần ngập than hừng hóa bụi tro.

71. Nālikīra đầy hoảng hốt rơi vào,
Địa ngục trong nanh vuốt chó ngao,
Vì nhạo báng Hiền nhân, đạo sĩ,
Pháp sư chẳng phạm lỗi lầm nào.
72. Cũng vậy Ajjuna giết ngay,
Thánh nhân thanh tịnh, luyện tu dày
Aṅgīrasa nên bị xô đầu xuống,
Hành hạ thân trong chốn đọa đày.
73. Kalābu cháy tại Diêm cung,
Giữa khổ đau thâm thúy, hải hùng,
Vì đã hại Hiền nhân đức hạnh,
Bậc thầy nhẫn nhục, tiếng vang lừng.
74. Người trí nghe xong các chuyện trên,
Về miền địa ngục khổ triền miên,
Chẳng hề hại Đạo sư Hiền trí,
Nhờ chánh nghiệp, sau đạt cõi thiên.

Khi bậc Đại sĩ đã nêu rõ các cõi mà bốn vị vua kia phải thác sanh về, ba vị vua này giải tỏa được hết mọi nghi ngờ. Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vãn kệ đề nêu lên bốn vấn đề của ngài:

75. Lời ngài đáng quý trọng êm tai,
Song muốn nghe thêm một chuyện này,
Ai được người đời xem đức độ?
Thế nhân gọi “Trí giả” là ai?
Người trần xem kẻ nào thành tín?
Ai kẻ vận may chẳng bỏ rơi?

Bậc Đại sĩ liền ngâm bốn vãn kệ trả lời:

76. Khâu hành chứng tỏ tự điều thân,
Tu tưởng tránh xa mọi lỗi lầm,
Chẳng dối gian nhằm đích hạ liệt,
Được xem đức độ giữa nhân quần.
77. Giải đáp vấn đề, trí tuệ thâm,
Không làm điều ác độc, vô lương,
Lời hay đúng lúc đem khuyên nhủ,
Được mọi người xem đúng Trí nhân.
78. Biết ơn vì đã nhận ân lành,
Làm nhẹ buồn đau với nhiệt tình,
Chứng tỏ bạn hiền lòng vững chắc,
Mọi người ca ngợi kẻ tâm thành.

79. Kẻ nào tài khéo đủ trong tay,
 Chân thật, dịu dàng, rộng lượng thay,
 Ái ngữ, ân cần, người cảm phục,
 Vận may chẳng bỏ kẻ như vậy.

Bậc Đại sĩ trả lời bốn vấn đề trên như vậy, chẳng khác nào làm vàng trắng hiện lên bầu trời. Sau đó là những câu hỏi đáp khác nữa:

[Thiên chủ:]

80. Lời ngài đáng thán phục êm tai,
 Ao ước nghe thêm một chuyện này,
 Đức hạnh, vận may, hiền trí, thiện,
 Cái nào tối thắng giữa trần ai?
81. Người thiện xem Hiền trí tối cao,
 Như trăng che khuất các vì sao,
 Đức hạnh, hiền lương cùng vận tốt,
 Rõ ràng bậc Trí phải theo mau.
82. Lời người thân ái thật êm tai,
 Mong ước nghe thêm một chuyện này,
 Muốn đạt thành tâm minh trí tuệ,
 Đường nào hành động phải theo hoài?
 Đâu là Trí đạo xin cho biết,
 Nhờ việc nào người có trí ngay?

[Bậc Đại sĩ:]

83. Kết bạn người uyên bác lão thành,
 Nhờ tham vấn, học trí thông minh,
 Phải nghe theo các lời khuyên tốt,
 Vì vậy con người trí tuệ sinh.
84. Bậc Trí nhìn tham dục giác quan,
 Thấy đầy bệnh khổ, lắm vô thường,
 Giữa tham, ưu não, gây kinh hãi,
 An tịnh, Hiền nhân dạn chẳng màng.
85. Vậy điều phục ác nghiệp, ly tham,
 Tu tập từ bi vô lượng tâm,
 Với mọi hữu tình đều quý mến,
 Tâm thanh tịnh đến Phạm thiên cung.

Trong khi bậc Đại sĩ thuyết giảng như vậy về các tội lỗi do tham dục gây ra, ba vị vua cùng với đoàn quân sĩ đều đoạn trừ tham ái nơi ngũ dục lạc nhờ từ bỏ yếu tố bất thiện này. Bậc Đại sĩ biết được việc này liền ngâm kệ tán thán cả ba vị vua:

86. Nhờ thần lực nên Chúa Bhīmaratha,
Cùng với ngài, này Chúa Atthaka,
Đại đế Kālīṅga hiển hách,
Đến đây các vị đủ luôn ba,
Xưa làm nô lệ cho tham dục,
Nay được tự do giải thoát ra.

Nghe vậy, cả ba vị đại vương ngâm kệ tán thán bậc Đại sĩ:

87. Chính ngài là bậc Tha tâm thông,
Nhờ vậy từ vua đến đạo quân,
Giải thoát khỏi vòng vây dục vọng,
Xin ngài ban bố một hồng ân,
Chúng ta quả thật đều mong ước,
Đạt đến niềm an lạc Thánh nhân.

Sau đó, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ khác để ban cho các vị đặc ân này:

88. Ta ban điều các vị mong cầu,
Đề các vị xa ác dục mau,
Hoan hỷ vô biên, tâm thâm đượm,
Đạt thành cực lạc ước về sau.

Nghe vậy các vị ngâm kệ tán đồng:

89. Mọi việc làm theo lệnh của ngài,
Những gì ngài nghĩ tối ưu thôi,
Đề tâm thâm đượm vô biên hỷ,
Đạt đến lạc an, dạ ước hoài.

Sau đó, bậc Đại sĩ truyền cho xuất gia đối với đoàn quân sĩ của ba vị vua và bảo hội chúng khổ hạnh ra về qua vần kệ này:

90. Đã kính lễ Kisavaccha,
Giờ đây chư vị hãy đi về,
Hồi chư Tôn đức hạnh tu tốt,
Hãy trú an trong thiền tịnh kia,
Hỷ lạc trong đời tu xuất thế,
Chính là cực lạc tối cao xa.

Các Thánh nhân này tán đồng ý kiến của ngài bằng cách cung kính đánh lễ ngài rồi bay lên hư không trở về nơi cư trú của mình. Còn Thiên chủ Sakka từ chỗ ngồi chấp tay đánh lễ bậc Đại sĩ chẳng khác nào tôn kính vàng nhật rồi cùng hội chúng ra về. Thấy vậy, bậc Đại sĩ ngâm các vần kệ sau:

91. Nghe thuyết toàn chân lý tối cao,
Bởi Hiền nhân giọng điệu thanh tao,
Chư thiên trở lại miền thiên giới,
An lạc, ân tình thấm thiết sao.

92. Lời lẽ Thánh hiền dạy lọt tai,
Mang đầy ý nghĩa, giọng thanh bai,
Ai tinh cần tập trung tâm trí,
Tâm tứ chuyên đề sẽ thấy ngay,
Chứng ngộ trước sau sẽ đạt được,
Đạt xong thoát tử thần quyền oai.

Bậc Đạo sư đã thuyết giáo như vậy đưa đến quả A-la-hán tối thượng và bảo:
– Không phải chỉ ngày nay mà ngay cả ngày xưa nữa, cũng có trận mưa hoa trời nơi đài hỏa táng của Mục-kiền-liên.

Rồi Ngài giảng bày các Thánh đế và nhận diện tiền thân:

93. Xá-lợi-phất Sālissara,
A-na-luật-đà Pabbata,
Ca-chiên-diên chính Devala,
Ca-diếp là Meṇḍissara.
94. Và A-nan Anusissa,
Mục-kiền-liên Kisavaccha,
Sarabhaṅga chính là Ta,
Câu chuyện tiền thân hiểu thế này.

§523. CHUYỆN THIÊN NỮ ALAMBUSĀ (*Alambusajātaka*) (J. V. 152)

Thiên chủ Inda, đáng vạn năng...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc một Tỷ-kheo bị mê hoặc bởi người vợ trước đây. Câu chuyện được kể đầy đủ trong *Chuyện các căn*.¹² Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư hỏi vị Tỷ-kheo:

- Nay Tỷ-kheo, có thật ông sinh tâm bất mãn chẳng?
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.
- Do ai gây nên?

– Bạch Thế Tôn, do người vợ của con ngày trước.

– Nay Tỷ-kheo, nữ nhân này đã làm hại ông, chính vì kẻ đó mà trước kia ông đã mất hết thiên lực và phải nằm liệt suốt ba năm ròng trong trạng thái mê man bất tỉnh, đến khi hồi tỉnh, ông đã than khóc thảm thiết.

Nói xong, Ngài kể cho vị này nghe câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta ở Ba-la-nại, Bồ-tát tái sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở quốc độ Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thông thạo

¹² Xem J. III. 463, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

mọi môn học thuật và sau đó ngài xuất gia, vào rừng sống bằng củ quả rừng. Lúc bấy giờ, một con nai cái sống trong vùng thảo am của vị Bà-la-môn này ăn cỏ và uống nước suối có hòa lẫn tinh dịch của ngài, rồi lại sinh lòng say mê ngài đến độ nó mang thai và từ đó đến trú luôn ở nơi gần nhà của ả sĩ.

Bậc Đại sĩ xem xét kỹ vấn đề và biết được sự thật của trường hợp trên. Về sau, nai cái sinh một nam nhi, bậc Đại sĩ chăm sóc hài nhi ấy với tình phụ tử. Hài nhi được đặt tên là Isisinga (Ản sĩ Lộc Tử). Khi chàng trai đến tuổi trưởng thành, ngài cho chàng thọ giới tu hành; khi ngài đã già, ngài dẫn chàng đến rừng Nārī và căn dặn:

– Này con yêu quý, ngay trong vùng Tuyết Sơn này có nhiều nữ nhân tươi đẹp như hoa, chúng thường đem lại tai họa tàn khốc cho những ai rơi vào uy lực của chúng. Vậy con đừng để cho chúng chinh phục.

Không bao lâu sau đó, ngài từ trần và sinh lên Phạm thiên giới. Còn ả sĩ Isisinga trong lúc tham thiền nhập định, an trú tại vùng Tuyết Sơn làm một nhà đại khổ hạnh khắc nghiệt, hộ trì các căn, tu tập tinh chuyên. Vì uy lực giới đức của ả sĩ này, cung của Thiên chủ Sakka bị rung động. Thiên chủ xem xét, tìm ra nguyên nhân và suy nghĩ: “Người này sẽ hạ ta xuống khỏi ngôi vị Thiên chủ, vậy ta quyết sai một thiên nữ đi phá hoại công đức của vị này.”

Sau khi quan sát toàn thể giới chư thiên, giữa hai mươi lăm triệu nàng thiên nữ cõi trời, ngài thấy ngoại trừ thiên nữ Alambusā, không có ai xứng hợp với công việc này hơn cả. Ngài liền triệu nàng đến và ban lệnh cho nàng phải đi phá hoại công đức của Thánh nhân thanh tịnh kia.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm vãn kệ đầu:

95. Thiên chủ Inda, đáng vạn năng,
Xưa kia đã giết Vatra thần,
Triệu nàng thiên nữ vào cung điện,
Vì biết nàng mưu chước lấy lòng.
96. Thiên nữ Alambusā, Đê-thích truyền,
Ở trên hội chúng của chư thiên,
Bảo nàng đến gặp Isisinga nọ,
Quyến rũ chàng say đắm mỗi duyên.

Thiên chủ Sakka ra lệnh cho Alambusā:

– Nàng hãy tìm gặp Isisinga, dùng uy lực của nàng chinh phục và phá hủy công đức của chàng!

Rồi ngài ngâm vãn kệ:

97. Hãy theo cám dỗ sát bên chàng,
Vì chính chàng là bậc Thánh nhân,

Trong lúc đi tìm nguồn cực lạc,
Lại còn chiến thắng cả Thiên hoàng.

Nghe nói vậy, nàng Alambusā đáp hai vắn kệ:

98. Giữa bao thiên nữ, tấu Thiên hoàng,
Sao chỉ riêng nhìn đến tiện nhan,
Và bảo phận hèn đi quyến rũ,
Thánh nhân đe dọa chiếc ngai vàng?

99. Vườn Nanda, cực lạc thần tiên,
Có biết bao thiên nữ diệu huyền,
Đến lượt một nàng trong số ấy,
Xin giao việc đáng rửa nguyên trên.

Tiếp theo, Thiên chủ ngâm ba vắn kệ:

100. Nàng nói đúng thay, ở lạc viên,
Nandana, trầm biết vườn tiên,
Nhiều thiên nữ diễm kiều dung sắc,
Sánh kịp nàng, thường được ngắm xem.

101. Nhưng này, hỡi tuyệt thế tiên nương,
Chẳng có ai dùng kế mỹ nhân,
Điều luyện như nàng, hòng quyến rũ,
Thánh nhân bằng mọi cách điên cuồng.

102. Vậy nàng quả thật đóa hoa khô,
Hãy bước lên đường, tổ nữ ôi,
Dùng lực thần kia là mỹ sắc,
Buộc Hiền nhân nợ phục oai trời.

Nghe lời này, nàng Alambusā ngâm hai vắn kệ:

103. Phận hèn sẽ quyết, tấu Thiên hoàng,
Tiến bước lên đường phụng mệnh ban,
Song vẫn lo âu phân thiếp dám,
Liều mình hại bậc Thánh nghiêm trang.

104. Bởi vì lắm kẻ đáng thương thay,
[Thiếp sợ run vì ý nghĩ này]
Làm hại Thánh hiền nên phải dọa,
Ăn năn ngục tội khổ đau đầy.

Các vắn kệ này là của bậc Giác Ngộ:

105. Thiên nữ Alambusā nói vậy xong,
Khởi hành, nàng lướt tốc như phong,
Đi lôi cuốn tịnh nhân lòng lầy,
Vào các hành vi bất tịnh nhân.

106. Đến cánh rừng kia nửa dặm sâu,
Thấm tươi đỏ rực các chùm dâu,
Isisínga trú ẩn trong rừng ấy,
Nàng biến mình đi chẳng thấy đâu.
107. Tảng sáng tinh mơ chớm nắng đào,
Trước khi vầng nhật hiện lên cao,
Nàng thiên nữ đến gần hiền giả,
Đang quét thảo am sạch biết bao.
- Lúc ấy, vị khổ hạnh ngâm kệ hỏi nàng:
108. Ai đó như tia chớp sáng ngời,
Rõ ràng như thể ánh sao mai?
Đôi tay đeo ngọc, hoa tai điểm,
Lấp lánh từ xa rực cả trời.
109. Như phấn chiên-đàn tỏa ngát hương,
Huy hoàng chẳng khác ánh triều dương,
Yêu kiều vóc liễu thanh thanh đáng,
Tuyệt sắc cho ai được ngắm nàng.
110. Dịu dàng, trong trắng với lưng thon,
Nhún nhảy nhịp nhàng nhón gót son,
Yêu điệu thân nàng bao diễm lệ,
Làm ta say đắm cả tâm hồn.
111. Cặp đùi nàng giống chiếc vò voi,
Dài thẳng, thon dần thật mảnh mai,
Mông của nàng êm đềm xúc cảm,
Tròn như mặt gỗ để chơi bài.
112. Rốn nàng để lộ đám lông mềm,
Ta tưởng chừng tơ các ngó sen,
Từ phía xa xa nhìn chỉ thấy
Tựa hồ đầy dục thủy đen huyền.
113. Đôi vú sữa như nửa quả bầu,
Căng phồng khoe cả cặp hình cầu,
Săn tròn cho dầu không cây chống,
Chúng thật hoàn toàn chẳng dựa đâu.
114. Môi lười nàng đều đỏ thắm tươi,
Thật là quý tướng hiếm hoi ôi!
Cổ dài như thể linh dương núi,
Lại vẽ thêm ba ngón rạch rời.
115. Răng nàng dùng chút gỗ lau chùi,
Trong sạch luôn luôn giữ sáng ngời,

- Lấp lánh cả hàm trên lẫn dưới,
Chiếu đầy tia sáng trắng tinh khôi.
116. Đôi mắt nàng bầu dục dáng hình,
Khi nhìn, bao vẻ đẹp đa tình,
Khác nào đôi trái dâu đen láy,
Tô điểm màu đo đỏ mép vành.
117. Bím tóc mượt trơn chẳng quá dài,
Kết thành từng cuốn gọn nhất đời,
Điểm vàng đầu mút mùi thơm ngát
Dầu phân đàn hương quý tuyệt vời.
118. Giữa mọi người theo nghiệp bán mua,
Nuôi bầy gia súc hoặc cày bừa,
Giữa bao ẩn sĩ đầy uy lực,
Nguyễn sống đời thanh tịnh ẩn cư.
119. Trong muôn loài giữa cõi trần gian,
Ta chẳng thấy ai sánh kịp nàng,
Thân phụ là ai, cùng quý tánh,
Ta mong nàng thổ lộ cho tường.

Trong lúc vị ẩn sĩ tán tụng nàng Alambusā từ bàn chân lên đến đỉnh đầu không sót đường tơ kẽ tóc nào, nàng vẫn giữ lời yên lặng. Và khi nghe chàng nói lời lẽ dài dòng như vậy, nàng nhận thấy tâm trạng của chàng đang rất dao động liên ngâm kệ này:

120. Vạn phúc trời ban đến bạn lành,
Thời gian, Ca-diếp hồi, trôi nhanh,
Sao chàng mãi hỏi chỉ vợ vắn,
Chẳng phải đôi ta chỉ một mình?
Hãy vào am thất, chón tu hành,
Chụp lấy ngay cơ hội chứng minh,
Ngàn thú giao hoan này khét tiếng,
Giữa người sùng bái đạo si tình.

Nói vậy xong, thiên nữ Alambusā nghĩ thầm: “Nếu ta cứ đứng yên, chàng sẽ không đến gần cho ta được dịp quyến rũ chàng, vậy ta phải làm như thể sắp bỏ chạy.” Rồi dùng mỹ nhân kế để làm dao động quyết tâm của vị ẩn sĩ, nàng bỏ chạy về hướng ban nãy nàng đã đến.

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

121. Nói xong thiên nữ Alambusā,
Vội vã tạ từ cất bước xa,

Danh sĩ Isisiṅga, hồng quyền rũ,
Hiền nhân vương phải nghiệp dâm tà.

Vị ả sĩ thấy nàng bỏ đi liền kêu lên:

– Nàng đã đi rồi.

Và chàng nhanh nhẹn chặn lối nàng, trong khi nàng đang chậm chậm bước đi rồi lấy tay nắm tóc nàng lại.

Bạc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

122. Như gió, chàng mau lướt vội vàng,
Cố ngăn nàng chạy trốn xa chàng,
Hãng say đeo đuổi theo thiên nữ,
Chụp lấy đầu, cầm bím tóc nàng.
123. Chính tại nơi chàng đứng lặng yên,
Hằng nga ôm chặt giữa tay tiên,
Tức thì công hạnh chàng tiêu hết,
Biết vậy, nàng tiên thấy thỏa nguyện.
124. Khởi niệm, nàng bay đến Ngọc cung,
Tại Nanda thượng uyển muôn trùng,
Ngọc hoàng hiểu rõ điều nàng ước,
Phái vội thiên xa lấp lánh vàng.
125. Che năm mươi lọng ở bên trên,
Bên dưới cả ngàn tâm trái lên,
Tại đó, Hiền nhân nắm khuất phục,
Trong tay thiên nữ lăm ngày trường.
126. Ba năm ròng rã lướt qua đầu,
Trên cõi trời giây lát bóng câu,
Cho đến phút sau cùng, ả sĩ,
Trở mình thức khỏi cánh tay màu.
- 127-28. Cây xanh chàng thấy khắp nơi nơi,
Bệ lửa thờ nằm cạnh đó thôi,
Thăm thăm ngàn cây vang vọng mãi,
Tiếng sơn ca lãnh lót ngân dài.
129. Nhìn quanh, chàng nức nở đau thương,
Nhỏ lệ đắng cay phận tui hờn:
“Ta chẳng cầu kinh, dâng lễ vật,
Nơi đây chẳng cúng tế dâng đàn.
130. Ta trú rừng hoang vắng, độc thân,
Nào ai người cảm dỗ mình chẳng,

Ai dùng tà hạnh làm tiêu tán,
Tất cả lương tâm với trí năng,
Chẳng khác con thuyền đầy báu vật,
Bị chìm đắm giữa chốn trùng dương?”

Nghe vậy, Alambusā nghĩ thầm: “Nếu ta không nói rõ, ắt chàng sẽ nguyên rửa ta, vậy ta phải nói cho chàng hay.” Rồi nàng hiện hình ra đứng bên cạnh chàng ngâm kệ:

131. Thiên chủ Sakka phái đến đây,
Nguyện làm tỳ nữ phục tuân ngài,
Dù vô tình thiếp không hay biết,
Đã hại người trong cực lạc này.

Nghe nàng nói vậy, chàng liền nhớ lại lời cha dạy rồi than khóc về việc chàng đã bị phá tan hết công hạnh chỉ vì không nghe lời cha và ngâm kệ:

132. Ca-diếp, cha ta đã dạy rằng:
“Này con, hãy cảnh giác đề phòng,
Nữ nhân như đoá hoa sen đẹp,
Ăn chứa bên trong hấp lực thân.”

133. Đề phòng nữ sắc đắm mê hồn,
Hiềm họa đâu đây chực kể gần.
Do vậy lòng nhân từ thúc đẩy,
Nghiêm đường khuyên nhủ trẻ phòng thân.

134. Phóng dật, ta cam chịu bỏ qua,
Những lời thông tuệ của cha già,
Than ôi, đờn độc, ta đau đớn,
Nay sống rừng hoang, dạ xót xa!

135. Đòi cũ, ta nguyên rửa lăm thay,
Vâng lời cha dạy kể từ đây,
Thà đành vong mạng còn hơn phải,
Trở lại đường xưa lỗi cũ này.

Sau đó, chàng từ bỏ dục lạc và tham thiền nhập định. Còn Alambusā thấy rõ công đức tu tập của chàng, biết rằng chàng đã đạt thiền chứng liền hoảng sợ cầu xin chàng tha tội.

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ làm sáng tỏ vấn đề này:

136. Bổng chốc Alam hiểu rõ ràng,
Lực chàng kiên định, thật can tràng,
Vội quỳ đánh lễ Hiền nhân ấy,
Lập tức nàng ôm lấy gót chàng:

137. “Xin dẹp lời đình, đáng Thánh minh,
Thiếp đã gây một chuyện tày đình,
Khi chư thiên cõi trời vinh hiển,
Rúng động kinh hoàng nghe đại danh.”

Sau đó, chàng để thiên nữ ra đi và bảo:

– Này thiên nữ, ta tha tội cho nàng, thôi nàng hãy đi nơi nào tùy ý!

Rồi chàng ngâm kệ:

138. Tam Thập Tam thiên, hưởng phước lành,
Cùng Vāsava,¹³ chúa tể quần sinh,
Và nàng thiên nữ, xin từ giã,
Nàng được tự do thỏa nguyện mình.

Từ tạ chàng xong, nàng trở về thiên giới trong chiếc xe vàng ấy.

Bậc Đạo sư ngâm ba vần kệ làm sáng tỏ vấn đề này:

139. Ôm lấy đôi chân bậc Trí nhân,
Đi về phía hữu, nhiều quanh vòng,
Chấp tay dấng diệu cầu tha tội,
Nàng hiện hình đi khỏi mắt chàng.
140. Nàng thiên nữ lại cười xe vàng,
Lộng lẫy yên cương được điểm trang,
Mọi vẻ huy hoàng khăn ngọc phủ,
Nàng phi nhanh đến cõi thiên đàng.
141. Như đuốc hồng hay chớp lóe ngang,
Nàng du hành vượt thẳng trời quang,
Sakka Thiên chủ hân hoan phán:
“Chẳng ước nguyện nào trăm chẳng ban.”

Khi nhận được điều ước do ngài ban, nàng ngâm vần kệ kết thúc:

142. Ví dầu Đế-thích, chúa chư thiên,
Ban thiếp điều tâm ước nguyện riêng:
“Xin chẳng bao giờ còn cám dỗ,
Thánh nhân nào phá bỏ lời nguyện.”

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại dành cho vị Tỷ-kheo kia và giảng

¹³ Vāsava (天神王, Thiên Thần vương), một tên của Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Tham khảo: *D.* II. 260, 274; *S.* I. 221, 223, 229, 234; *DhA.* III. 270; *J.* I. 65.

giải các Thánh đế cùng nhận diện tiền thân; cuối phần các Thánh đế, vị Tỷ-kheo ấy đăc Sơ quả (Dự lưu):

– Lúc bấy giờ, Alambusā chính là người vợ trước kia, Isisiṅga là vị Tỷ-kheo có tâm bất mãn này và đại ân sĩ cha chàng chính là Ta.

§524. CHUYỆN LONG VƯƠNG SAMKHPĀLA

(*Samkhpāla-jātaka*)¹⁴ (J. V. 161)

Dáng điệu thanh tao, tướng đẹp xinh...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên quan đến các phạm sự trong những ngày trai giới.

Lúc bấy giờ, nhân dịp này bậc Đạo sư tán thán một số cư sĩ hành trì trai giới và bảo:

– Các Hiền nhân ngày xưa đã từ bỏ cảnh giới huy hoàng của long vương (nāga) và hành trì trai giới.

Rồi theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

Ngày xưa, vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cai trị thành Rājagaha (Vương Xá). Thời bấy giờ, Bồ-tát sinh làm vương tử của chánh hậu, được đặt tên là Duyyodhana. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thông đạt các môn học thuật tại Takkaṣilā và trở về triều thăm vua cha. Phụ vương liền truyền ngôi cho ngài và xuất gia tu hành tại ngự viên.

Cứ ba lần trong ngày, Bồ-tát đến yết kiến phụ vương, thời bấy giờ đang được tôn kính và cung phụng trọng thể. Việc này gây trở ngại khiến vua cha không thể thực hành những pháp môn làm phát khởi thiền định nên ngài suy nghĩ: “Ta đang hưởng đầy đủ lợi dưỡng cùng với sự tôn sùng tột bậc, nếu ta còn ở đây thì không thể nào đoạn trừ được tham dục. Vậy ta không nói với hoàng nhi, cứ việc bỏ đi nơi khác.”

Thế là không nói với một ai, ngài rời ngự viên và vượt qua biên giới của quốc độ Ma-kiệt-đà, ngài dựng một lều lá trong quốc độ Mahimsaka, gần núi Candaka bên dòng sông Kaṇṇapennā bắt nguồn từ hồ Samkhpāla. Ngài an trú tại nơi đó cho đến khi thành tựu các pháp môn làm phát khởi thiền định, ngài tu tập các thắng trí và chỉ thọ dụng những gì ngài kiếm được. Một vị long vương thuộc loài rồng (nāga) có danh hiệu Samkhpāla sinh trưởng từ dòng sông Kaṇṇapennā cùng hội chúng đông đảo loài rồng thỉnh thoảng đến yết kiến ân sĩ nên ngài thuyết pháp cho long vương.

¹⁴ Xem J. VI. 262, *Vidhurapaṇḍita-jātaka* (Chuyện bậc Đại trí Vidhura), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546; M. II. 54, *Ratthapālasutta* (Kinh Ratthapāla), số 82; Thag. v. 769, *Ratthapālattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Ratthapāla); Cp. 91, *Samkhpālacariya* (Hạnh của đức Bồ-tát Samkhpāla); Vv. 126, *Serīssakavimānavatthu* (Chuyện lâu đài của Serīssaka); Pv. 74, *Serīssakapetavatthu* (Chuyện ngạ quỷ Serīssaka).

Lúc bấy giờ, vương tử nóng lòng gặp cha nhưng không biết ngài hiện ở đâu nên thân hành đi tìm. Khi biết được nơi ngài đang cư ngụ như thế, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo đến yết kiến ngài. Sau khi dừng lại ở một đoạn đường ngắn cách với nơi ấy, vua cùng một số cận thần đi về phía lều ẩn sĩ. Lúc ấy, long vương Samkhapāla đang cùng đoàn tùy tùng nghe thuyết pháp, nhưng khi thấy vua đến gần liền đứng dậy vái chào ngài rồi từ tạ ra về.

Vua đánh lễ phụ vương và sau các nghi lễ thông thường của đôi bên, vua hỏi:

– Bạch Tôn giả, vị vua nào vừa yết kiến Tôn giả?

– Nay Vương nhi, đó là long vương Samkhapāla.

Vương tử liền mong ước được viếng thăm cảnh giới rồng vì về huy hoàng rực rỡ ở đó. Khi ở lại cùng cha vài ngày, ngài cung cấp cho phụ vương đủ thực phẩm như thường lệ rồi trở về thành.

Nơi đó, ngài cho xây bố thí đường tại bốn cổng thành, nhờ công đức bố thí ấy, ngài gây chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề. Vì ước nguyện đến cảnh giới rồng, ngài luôn hành trì giới luật và giữ các phận sự trong ngày trai giới nên khi mạng chung, ngài được tái sanh vào cảnh giới rồng làm long vương Samkhapāla.

Dần dần qua thời gian, ngài đắm chán cảnh huy hoàng này nên từ khi ước nguyện tái sanh làm người, ngài lại hành trì các ngày trai giới. Nhưng ở trong cảnh giới rồng, việc hành trì giới luật không có kết quả gì mà giới đức của ngài lại bị hao tổn. Từ đó, ngài lìa bỏ cảnh giới rồng và đến một nơi không xa dòng sông Kannapennā ấy, cuộn mình quanh ổ mối giữa đường cái và đường mòn, ngài quyết tâm giữ ngày trai giới và thực hành giới đức. Và ngài bảo:

– Kẻ nào cần da thịt ta thì cứ lấy hết đi!

Và như vậy theo hạnh bố thí, ngài hy sinh thân mình, nằm trên ổ mối, an nghỉ tại đó trong các ngày mười bốn và rằm giữa tháng. Ngài trở về cảnh giới rồng vào ngày mười sáu và mừng một.

Một ngày kia, ngài vừa thọ trì hạnh đó xong và đang nằm nghỉ thì có mười sáu nam nhân ở làng bên cạnh, thèm ăn thịt nên lang thang vào rừng, cầm vũ khí trong tay. Khi trở về chẳng kiếm được thú vật gì, chúng thấy ngài nằm trên ổ mối liền nghĩ: “Hôm nay ta chẳng bắt được một con tắc kè nhỏ nào, vậy ta phải giết rồng chúa này mà ăn thịt.” Nhưng vì sợ thân mình ngài quá to lớn, cho dù chúng có bắt được ngài, ngài cũng sẽ thoát ra nên chúng nghĩ rằng phải đâm ngài bằng các cây cọc ngay khi ngài đang nằm cuộn mình ở đó và sau khi gây thương tích cho ngài như vậy, chúng sẽ bắt ngài đi. Thế là chúng cầm cọc tiến đến gần ngài.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát biến hình to lớn như chiếc thuyền rộng cực kỳ xinh đẹp, tựa vòng hoa lài đặt trên mặt đất, đôi mắt như hạt cam thảo rừng (jiñjuka), cái đầu như hoa ngũ phương (jayasumana). Khi nghe tiếng chân của mười sáu người kia, ngài ngẩng đầu lên từ thân thể cuộn tròn, mở to đôi mắt rực lửa nhìn cả bọn đi đến cầm cọc trong tay. Ngài suy nghĩ: “Hôm nay ước nguyện của ta

sẽ thành tựu trong lúc ta nằm ở đây, vậy ta phải nhất tâm cao độ và hy sinh thân mạng ta cho bọn chúng. Khi chúng lấy dao đâm ta, gây thương tích đầy mình ta, ta cũng không được mở mắt ra căm hận nhìn chúng.” Rồi để giữ vững quyết tâm này vì sợ phạm giới luật, ngài giấu đầu vào giữa đám mào và nằm yên.

Bọn người kia đến gần ngài, nắm lấy đuôi kéo lê trên mặt đất. Sau đó lại thả ngài xuống, chúng dùng cọc nhọn đâm vào tám chỗ trên thân ngài rồi lấy gậy tre màu đen, gai nhọn đủ thứ đâm vào các vết thương đang nứt nẻ xong lại bước đi, lôi ngài theo bằng dây thừng buộc vào tám chỗ ấy. Bậc Đại sĩ từ lúc bị thương bởi cọc nhọn kia, không hề mở mắt hay căm hận nhìn chúng, song khi ngài bị kéo lê đi bằng tám sợi dây ấy, đầu ngài trút xuống đập vào đất. Vì thế, khi chúng thấy đầu ngài rũ xuống, chúng đặt ngài trên con đường dốc cao, đâm qua mũi ngài một chiếc cọc mỏng, nhắc đầu ngài lên luôn sợi dây vào mũi và sau khi buộc đầu dây xong, chúng lại nhắc đầu ngài tiếp tục kéo đi.

Vừa lúc ấy, một vị điền chủ tên gọi là Ālāra sống ở trong thành Mithilā thuộc quốc độ Videha đang ngồi trong một cỗ xe sang trọng du hành cùng năm trăm cỗ xe nữa, trông thấy bọn ác nhân đang cố lôi Bồ-tát trên đường liền cho cả mười sáu người trong bọn chúng mỗi người một con bò, một nắm tiền vàng, đầy đủ y phục bên trong lẫn bên ngoài, lại cho vợ con chúng đồ kim hoàn để đeo xong bảo chúng thả ngài ra.

Bồ-tát liền trở về cung điện của nāga, lập tức đem theo đoàn tùy tùng đông đảo đến gặp Ālāra; và sau khi tán dương cảnh đẹp của long cung, ngài đem ông về đó. Ngài ban tặng đại vinh hoa phú quý cho ông cùng với ba trăm long nữ và mời ông thọ hưởng đủ lạc thú thần tiên. Ālāra sống một năm tròn tại cung thất của nāga, hưởng mọi thiên lạc xong liền bảo long vương:

– Nay Hiền hữu, ta muốn trở thành ản sĩ tu hành.

Rồi đem theo đủ mọi thứ cần dùng cho đời ản sĩ, ông rời long cung đi đến vùng Tuyết Sơn tu hành, an trú tại đó một thời gian dài. Sau đó, ông đi đến gần thành Ba-la-nại và an trú trong ngự viên. Hôm sau, ông vào thành khát thực, đi đến cung vua. Vua xứ Ba-la-nại thấy diện mạo ông trông thật uy nghi liền cho gọi vào yết kiến, đặt ông lên chiếc bảo tòa đặc biệt và ban cho đầy đủ cao lương mỹ vị, còn vua ngồi trên chiếc bảo tòa thấp hơn, đánh lễ xong lại đàm đạo với ông. Vua ngâm vãn kệ đầu:

143. Dáng điệu thanh tao, tướng đẹp xinh,
Chắc con dòng thế phiệt trâm anh,
Niềm vui thế tục sao rời bỏ,
Khoác áo tu theo luật Thánh hành?

Các vãn kệ sau đây là những lời đối đáp xen kẽ giữa vị ản sĩ khổ hạnh và vua:

[Ản sĩ Ālāra:]

144. Tâu Chúa công, ta nhớ rõ rành,
Cung long vương nọ, đáng oai linh,

Quả lành phát xuất từ thanh tịnh,
Nên nguyện khoác lên áo Thánh hành.

[Đức vua:]

145. Chẳng mỗi hải kinh hoặc dục, sân,
Khiến Hiền nhân phải bỏ lời chân,
Nói cho ta rõ điều mong biết,
Tịnh tín tâm ta phát triển dần.

[Ân sĩ Ālāra:]

146. Trong lúc bán buôn, tâu Đại vương!
Ta nhìn thấy một bọn trai làng,
Đang lôi rỗng lớn, thân đồ sộ,
Hí hửng cười vui trên bước đường.
147. Đại vương, ta cảm thấy kinh hoàng,
Lông tóc dựng lên, bảo chúng rằng:
“Sao quái long này bị kéo thế,
Các người lôi nó đi đâu chẳng?”

[Trai làng:]

148. Rỗng này bị kéo làm đồ ăn,
Rỗng lớn có thân hình nở nang,
Thịt nó ngọt ngon, mềm, rất béo,
Người Videha rõ chưa từng.
149. Chúng tôi đi thẳng về nhà xong,
Mang các dao ra cắt xẻ rỗng,
Thích thú ăn ngon từng miếng thịt,
Vì rỗng quả thực kẻ thù chung.

[Ālāra:]

150. Nếu kéo vật này làm thức ăn,
Con rỗng lớn, phát tướng to thân,
Tôi cho mười sáu con bò đực,
Xin hãy thả rỗng có được chẳng?

[Trai làng:]

151. Thịt bò nghe quả thật bùi tai,
Rỗng rần ê hề thịt bấy nay,
Lời ấy, Ālāra, ta chấp thuận,
Từ đây, tình bạn sẽ lâu dài.

[Ālāra:]

152. Chúng thả ngài ra khỏi sợi dây,
Buộc xuyên qua lỗ mũi căng thay,

Chúa rồng thoát được vòng tù tội,
Hướng mặt về Đông nghỉ lát giây.

153. Vẫn nhìn Đông, đã sẵn sàng bay,
Quay lại ngắm ta, mắt lệ đầy,
Trong lúc ta nhìn theo hướng ấy,
Như người cầu nguyện, chấp đôi tay:
154. “Nhanh chân chạy trốn, hồi thân bằng,
E lại sa vào lũ địch nhân,
Tránh bọn bạo tàn, dù thoáng thấy,
Nếu không ắt phải họa vào thân.”
155. Ngài vội đến hồ nước đẹp trong,
Đôi bờ lau sậy lẫn đào hồng,
Trong lòng hoan hỷ, không còn sợ,
Lặn xuống vực sâu thăm mịt mùng.
156. Vừa khi biến mất, vị long vương,
Hiện lộ thân thông thực rõ ràng,
Thái độ ân cần, đầy tin cần,
Lời tri ân cảm động can tràng.

[Long vương:]

157. Ngài thân thiết vượt đấng sinh thành,
Đã cứu đời ta, bạn chí tình,
Đến tận tùy xương, nhờ chính bạn,
Niềm hoan lạc trước được hồi sinh,
Ālāra, ngài viếng nơi ta ngự,
Cung điện đầy kho thực phẩm lành,
Chẳng khác Inda thành thượng giới,
Masakkasāra, xứ sở lừng danh.

– Tâu Đại vương, sau khi nói xong những lời này, long vương còn ca tụng thêm cảnh giới của ngài qua hai vản kệ:

158. Quốc độ ta bao cảnh tuyệt vời,
Dưới chân cỏ mướt phủ xanh tươi,
Chẳng vương cát bụi trên đường lộ,
Chốn ấy ly sầu, hưởng lạc thôi.
159. Sân bằng tường ngọc bích bao quanh,
Xoài đẹp sum suê tứ diện thành,
Chùm trái chín muồi khoe sắc thắm,
Bốn mùa thay đổi suốt năm lành.

[Ālāra:]

160. Giữa rừng xoài ấy, điện bằng vàng,
Ngài ngấm, then cài bạc chấn ngang,
Rực rỡ cung đình kia nổi bật,
Hơn làn chớp lóe giữa không gian.
161. Tô điểm bảo châu đẹp dị thường,
Biết bao tranh vẽ quý trang hoàng,
Quần tiên phục sức xa hoa quá,
Trước ngực đông đưa chuỗi hạt vàng.
162. Samkha Đại đế ngự lên mau,
Lầu thượng, quyền uy thật tối cao,
Được dựng lên ngàn hàng cột trụ,
Ấy cung hoàng hậu được ngài giao.
163. Nhanh nhẹn một tiên nữ lúc này,
Cầm viên ngọc báu ở trong tay,
Ngọc lam quý hóa đầy thần lực,
Tự ý mời ta một chiếc ngai.
164. Ròng chúa nắm tay dẫn đến nơi,
Sừng sững cao sang một chiếc ngai:
“Xin ngài an tọa, ta ngồi cạnh,
Như đấng sinh thành, thắm thiết thay!”
165. Thêm một nàng theo kịp lệnh ngài,
Đến cùng bình nước ở trong tay,
Rửa chân, hầu hạ ta chu đáo,
Như chánh hậu châu long đế đây.
166. Thêm nàng tiên nữa thật nhanh chân,
Dâng chén vàng, cơm thập cẩm ngon,
Gia vị thơm nồng càng cảm dỗ,
Kẻ thèm ăn mỹ vị cao lương.
167. Trôi nhạc lên, nàng hiểu rằng,
Đó là ý chúa chúng hằng mong,
Chiếm lòng ta, cũng như long đế,
Đem thú thần tiên để tấn công.
- Rời vị chúa rồng đến gần ta ngâm thêm vần kệ:
168. Ba trăm tỷ thiếp, hỡi Ālāra,
Trăm có sẵn đây cả ấy mà,
Tất cả đều lưng thon yếu điệu,
Yêu kiều dung sắc vượt liên hoa,
Kìa xem, chúng chỉ chiều tôn ý,

Xin nhận lời ban tặng của ta.

Ālāra nói tiếp:

- 169.** Một năm thiên lạc hưởng tràn đầy,
Ta hỏi long vương một chuyện này:
“Sao được tiên cung làm nội thất,
Làm sao cung điện đến phần ngài?”
- 170.** Tiên cảnh này thành tựu ngẫu nhiên,
Được ngài xây, tặng vật chư thiên,
Long vương xin nói điều chân thật,
Sao đến an nhàn ở cảnh tiên?”

Sau đây là các vần kệ đối đáp nhau giữa đôi bên:

[Long vương:]

- 171.** Chẳng phải tình cờ, chẳng tự nhiên,
Chẳng do ta tạo, hoặc chư thiên,
Chính nhờ thiện nghiệp ta, ngài biết,
Nhờ đức hạnh, ta hưởng cảnh tiên.

[Ālāra:]

- 172.** Ngài hành gì, Phạm hạnh ngài gây,
Ngài khéo làm gì được quả đây,
Xin nói cho tôi được rõ biết,
Tại sao cung điện được như vậy?

[Long vương:]

- 173.** Xưa ta chúa tể Magadha,
Oai lực, danh Duyyodhana,
Ta biết mạng này rất ngắn ngủi,
Vô thường, biến hoại, thời mau qua.
- 174.** Tâm ta thanh tịnh, kính thành dâng,
Vật thí rất nhiều, nước, thức ăn,
Nhà của ta như nguồn giếng nước,
Toại lòng Sa-môn, Bà-la-môn.
- 175.** Nơi đó ta thành kính cúng dường,
Tràng hoa, dầu xức, phẩm thơm hương,
Đèn, xe di chuyển, nơi cư ngụ,
Vải vóc, uống ăn, cả ghế giường.
- 176.** Vậy đó ta hành Phạm hạnh này,
Khéo làm điều ấy, quả như đây,
Ta nhờ tạo phước được cung điện,
Đủ món uống ăn, vật thực đầy,

Lại có thêm nhiều điệu múa, hát,
Hưởng lâu nhưng chẳng mãi còn hoài.

[Āḷāra:]

177. Sao kẻ yếu kia hại đến ngài,
Một vị oai phong, đại lực vậy,
Ngài có răng nanh làm vũ khí,
Lại bại kẻ hèn vì cớ chi?
178. Đại lực tan theo nỗi hãi hùng,
Răng nanh nọc độc cũng tiêu chẳng,
Sao ngài thân lực đầy răng ấy,
Mà phải chịu đau bởi ác nhân?

[Long vương:]

179. Đại lực không tan vì hãi hùng,
Cũng không bị chúng hủy tiêu vong,
Ta gìn lời bậc Trí rắn dạy,
Như biển bờ cao, khó vượt tràn.
180. Vào ngày mười bốn và mười lăm,
Trai giới ta thường hành tín tâm,
Mười sáu trai làng khi đó đến,
Cầm theo dây cứng chắc, dây thừng.
181. Bọn ác nhân đâm thủng mũi ta,
Xuyên dây thừng ấy kéo ta qua,
Đón đau ta chịu, ôi đánh phạt,
Giữ Thánh nhật cho khỏi phạm mà.

[Āḷāra:]

182. Thấy trên đường vắng trải giăng dài,
Hình đẹp, khổng lồ, đại lực oai,
“Bậc Trí hiển vinh”, ta thét lớn:
“Sao nguyên đời khổ hạnh, thưa ngài?”

[Long vương:]

183. Ta chẳng cầu con, chẳng ước giàu,
Chẳng mong thọ mạng được dài lâu,
Song trên nhân thế ta mong sống,
Nỗ lực, anh hùng đạt đích cao.

[Āḷāra:]

184. Tóc râu chài chuốt, dáng oai hùng,
Phục sức hoàng y, mắt lửa bùng,
Đỏ thắm chiêm-đàn, ngài rực rỡ,
Xa xa nào khác nhạc thiên thần.

185. Hưởng bao ân huệ lộc trời cho,
 Đầy đủ mọi điều dạ ước mơ,
 Ta hỏi long vương, xin nói thật,
 Cõi người sao lại muốn an cư?

[Long vương:]

186. Không đâu trừ thế giới người đời,
 Thanh tịnh điều thân được thấy rồi,
 Chỉ sống giữa đời người thế tục,
 Đoạn trừ sinh tử kiếp sau thôi.

[Ālāra:]

187. Dù hưởng đầy hoan lạc dị thường,
 Cùng long vương sống suốt năm trường,
 Giờ ta vĩnh biệt, ra đi mãi,
 Không ở vì xa vắng cố hương.

[Long vương:]

188. Thê nhi trầm với những cung nhân,
 Được luyện hầu ngài, lệnh phục tuân,
 Chắc chẳng kẻ nào gây xúc phạm,
 Vì ngài, trầm thấy rất thương thân.

[Ālāra:]

189. Như ở gia đình đủ mẹ cha,
 Con trai được mến yêu, chăm lo,
 Nhưng nơi này tốt hơn nơi đó,
 Tâm của ngài, thành tín ở ta.

[Long vương:]

190. Bảo châu trầm có điểm hồng vân,
 Đem đại phú cho kẻ thiếu phần,
 Nhận lấy về nhà, khi phú quý,
 Xin đưa trả ngọc lại long quân.

Ấn sĩ sau khi nói xong những lời này liền tiếp tục như sau:

– Tâu Đại vương, sau đó ta đáp lời long vương: “Tâu Đại đế, ta không màng giàu sang, ta chỉ muốn xuất gia tu hành.” Sau khi xin ban đủ mọi vật cần thiết cho đời sống tu hành ấn sĩ, ta từ giã cảnh giới nāga cùng với long vương, và khi đã mời ngài trở lui về, ta vào vùng Tuyết Sơn tu tập.

Nói xong, ấn sĩ lại thuyết giáo cho vua và ngâm thêm hai vản kệ:

191. Dục tham trần thế thoáng qua nhanh,
 Chẳng phục tuân quy luật trưởng thành,
 Thấy khổ phát sinh từ ái dục,
 Tín tâm dần bước đến tu hành.

192. Người tàn như trái rụng tiêu vong,
Già trẻ, muôn loài rã mục thân,
Ta chỉ trú an trong Thánh hạnh,
Tối ưu là thực thể thuần chân.

Nghe lời này, vua ngâm kệ đáp lời:

193. Quả thật nên thân cận Trí nhân,
Bậc suy nghĩ thấu đáo, đa văn,
Nghe lời ngài nói cùng long đế,
Trầm sẽ làm nhiều điều thiện lành.

Vị ản sĩ muốn khuyến khích vua tinh tấn liền ngâm kệ kết thúc:

194. Quả thật nên thân cận Trí nhân,
Bậc suy nghĩ thấu đáo, đa văn,
Nghe lời ngài nói cùng long đế,
Chúa thượng hãy làm điều thiện lành.

Vị này thuyết giáo như vậy với vua và sau khi ở lại đó bốn tháng mùa mưa liền trở về Tuyết Sơn sống và tu tập tứ vô lượng tâm, đến khi mạng chung được tái sanh lên Phạm thiên giới.

Còn Vua Saṃkhaṇḍa trong suốt quãng đời còn lại chuyên tâm hành trì các ngày trai giới, bố thí cùng nhiều thiện sự khác nên sau khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, vị vua cha trở thành ản sĩ khổ hạnh chính là Kassapa (Ca-diếp), vua xứ Ba-la-nại là Ānanda (A-nan), ản sĩ Ālāra là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và long vương Saṃkhaṇḍa chính là Ta.

§525. CHUYỆN TIỂU SUTASOMA (*Cullasutasomajātaka*) (J. V. 177)

Hiền hữu, thần dân tụ tập đây...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự tu tập viên mãn hạnh xuất gia của Ngài. Phần đầu câu chuyện tương tự với phần đầu trong *Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa*.¹⁵

Ngày xưa, tại thành Ba-la-nại, trước đây là kinh thành Sudassana có Vua Brahmadatta trị vì. Chánh hậu của ngài sinh ra Bô-tát. Khuôn mặt ngài sáng rực như trăng rằm, vì thế ngài được đặt tên Soma (Nguyệt Cung). Khi ngài đến

¹⁵ Xem J. VI. 220, *Mahānārada-kassapa-jātaka* (Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa), số §545.

tuổi trưởng thành, vì ngài có nhiều kiến thức và thường xuyên học hỏi nên ngài được mệnh danh là Sutasoma (Soma thông thái).

Đến tuổi khôn lớn, ngài được truyền dạy các môn học thuật tại Takkasilā và sau khi trở về nhà, ngài được vua cha ban chiếc lọng trắng. Ngài trị vì quốc độ rất đúng pháp, cai quản cả một lãnh thổ rộng lớn cùng mười sáu ngàn cung tần với nàng Candā làm chánh hậu. Dần dần, ngài có nhiều hoàng tử, công chúa, ngài đâm nhàm chán với cuộc sống gia đình nên lui vào rừng, mong ước thọ trì giới luật tu hành. Một ngày kia, ngài triệu người hớt tóc vào, phán bảo:

– Khi nào khanh thấy sợi tóc bạc trên đầu trăm, khanh phải nói cho trăm biết!

Người hớt tóc tuân lệnh, sau đó thấy một sợi tóc bạc liền tâu với ngài ngay. Vua bảo:

– Vậy khanh hãy nhổ ra và đưa cho trăm!

Người hớt tóc lấy cái nhíp vàng nhổ ra và đặt vào tay ngài. Bạc Đại sĩ thấy sợi tóc bạc, kêu to:

– Thân ta sắp bị tuổi già tàn phá.

Rồi ngài kinh hoàng cầm sợi tóc bạc bước xuống lầu, ngự lên ngai đặt trước thần dân. Sau đó, ngài triệu tám mươi ngàn triệu thần do vị đại tướng cầm đầu và sáu mươi ngàn Bà-la-môn do vị tế sư của triều đình lãnh đạo cùng nhiều cận thần và dân chúng đến, bảo:

– Tóc bạc đã xuất hiện trên đầu trăm, trăm đã già rồi, các khanh phải biết rằng trăm muốn trở thành ẩn sĩ.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

195. Hiền hữu, thần dân tụ tập đây,
Quân sư tin cẩn, hãy nghe vầy:
“Giờ đầu tóc bạc ta dần hiện,
Ta muốn trở thành ẩn sĩ ngay.”

Nghे vậy, mỗi người trong số đông kia đều thất vọng ngâm vần kệ này:

196. Bất xứng lời kia đã thốt ra,
Mũi tên Hoàng thượng thấu tim ta,
Bảy trăm cung nữ, tâu Hoàng thượng,
Sẽ thế nào khi Chúa xuất gia?

Tiếp theo, bạc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ ba:

197. Kẻ khác sẽ khuyên chúng hết buồn,
Chúng đều kiêu diễm, tuổi thanh xuân,
Còn ta hướng đích lên thiên giới,
Nên muốn làm tu sĩ ẩn thân.

Các vị quân sư không thể nào đáp lời vua được liền đi yết kiến thái hậu và trình câu chuyện với bà. Thái hậu liền vội vã đi đến hỏi vua:

– Này Vương nhi, quần thần bảo rằng Vương nhi muốn làm ẩn sĩ có đúng chẳng?

Bà lại ngâm hai vắn kệ:

198. Than ôi! Ngày bất hạnh như vậy,
Ngày được Vương nhi gọi mẹ đây,
Vì quá vô tình nhìn lệ thảm,
Con làm ẩn sĩ kể từ nay.

199. Bạc phận, than ôi, quả đúng thời,
Soma con trẻ đã chào đời,
Vô tình trước lệ sầu cay đắng,
Sao quyết tu hành, Vương tử ôi!

Trong khi thái hậu than khóc như vậy, Bò-tát không thốt lên lời nào. Thái hậu vẫn ngồi một mình khóc lóc mãi. Sau đó, quần thần tâu với phụ hoàng. Ngài đi đến ngâm kệ sau:

200. Pháp nào đây hướng dẫn Vương nhi,
Mong ước rời vương quốc biệt ly,
Bỏ mặc song thân già quạnh quẽ,
Ẩn am tìm đến để tu trì?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ liền trấn an ngài. Phụ vương lại bảo:

– Này Vương nhi Sutasoma, cho dù con không thương tiếc gì đến song thân nữa nhưng con vẫn còn nhiều vương tử, công chúa lắm. Chúng không thể nào sống thiếu con được. Vậy đợi đến khi chúng trưởng thành rồi Vương nhi hãy xuất gia tu hành có được chẳng?

Rồi ngài ngâm vắn kệ thứ bảy:

201. Vương nhi nhiều ấu tử, e rằng,
Hết thấy còn đang độ búp măng,
Đến lúc Vương nhi vừa vắng bóng,
Nỗi buồn nào sánh chúng hay chẳng?

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp vắn kệ:

202. Quả thật thần nhi có lắm con,
Chúng còn đang độ tuổi măng non,
Dù bao năm sống gần bên chúng,
Con phải giờ đây vĩnh biệt luôn.

Thế là bậc Đại sĩ thuyết pháp cho phụ vương và khi nghe ngài thuyết pháp, vua cha bình tâm lại, rồi quần thần thông báo cho bảy trăm cung phi. Họ từ trên thượng lầu bước xuống yết kiến ngài, ôm lấy chân ngài và ngâm vắn kệ:

203. Tim chàng có bị vỡ tan ra,
Hay giả là chàng chẳng xót xa?

Cất bước vui theo đời ản sĩ,
Khóc than, chúng thiếp mắt lệ nhòa.

Bạc Đại sĩ nghe họ khóc than như vậy, trong lúc họ ngã mình dưới chân ngài và gào thét, ngài liền ngâm thêm một vần kệ:

204. Tim ta cũng nát vỡ tan ra,
Nghĩ đến các nàng, dạ xót xa,
Vì ước nguyện lên thiên giới ấy,
Nên ta kiên quyết sẽ ly gia.

Sau đó, quần thần trình lên chánh cung hoàng hậu. Bà đang mang thai nặng nhọc vì ngày sinh cận kề, bà liền đến gần bậc Đại sĩ, đánh lễ ngài và kính cẩn đứng qua một bên rồi ngâm ba vần kệ:

205. Than ôi! Bất hạnh chính là ngày,
Thiếp được se duyên Chúa thượng đây,
Vì quá vô tình nhìn lệ thảm,
Đại vương quyết chí xuất gia ngay.

206. Bạc phận, than ôi, đó chính ngày,
Cùng Soma kết tóc se dây,
Vì chàng để mặc ai sầu chết,
Quyết chí theo đời ản sĩ đây.

207. Mãn nguyệt khai hoa đã kể gần,
Mong chàng ở lại, hỡi Vương quân,
Khi con sinh hạ, ngày sầu thảm,
Thiếp biết từ đây mất Chúa công.

Đến lượt bậc Đại sĩ ngâm vần kệ đáp:

208. Mãn nguyệt khai hoa đã tới hồi,
Ta chờ đến lúc trẻ ra đời,
Rồi ta từ giã ngay vương tử,
Xuất thế, ta thành ản sĩ thôi!

Nghe ngài nói vậy, bà không thể nào kiềm chế nỗi sầu thảm được nữa liền lấy hai tay ôm ngực, bảo ngài:

– Tâu Chúa thượng, từ nay cảnh vinh quang của đôi ta không còn nữa.

Rồi lau dòng lệ xong, bà lại than khóc thảm thiết. Bậc Đại sĩ ngâm kệ an ủi bà:

209. Vương hậu mắt huyền hoa mướt mà,
Xin nàng đừng khóc nữa vì ta,
Candā lên thượng lầu an nghỉ,
Ta sẽ đi, lòng chẳng thiết tha!

Không thể nào chịu đựng những lời nói của ngài được nữa, bà vội bước lên thượng lầu ngồi khóc một mình. Lúc ấy, vị thái tử của Bồ-tát thấy vậy, hỏi bà:

– Tại sao mẫu hậu ngồi khóc ở đây?

Và chàng ngâm kệ này hỏi mẹ:

210. Mẫu hậu, có ai khiến mẹ buồn,
Cớ sao mẹ khóc, lại nhìn con,
Ai không thể giết trong hoàng tộc,
Vì mẹ, con đành giết sạch luôn.

Hoàng hậu liền ngâm vần kệ đáp:

211. Không ai dám hại đến người kia,
Người khiến ta sầu khổ nào nề,
Vì chính phụ vương con đã nói:
“Ta không đoái tưởng, sẽ ra đi.”

Nghe lời mẹ, thái tử nói:

– Tâu mẫu hậu, sao mẫu hậu lại nói thế? Nếu quả vậy thì chúng con thật bơ vơ.

Chàng liền than khóc và ngâm kệ:

212. Có lần ta dạo khắp hoa viên,
Nhìn lũ voi giao đấu trận tiền,
Ví thử phụ vương thành ân sĩ,
Ta làm gì, hỡi kẻ vô duyên?

Sau đó, một vị vương tử vừa lên bảy, thấy anh và mẹ đang khóc liền đến gần mẹ hỏi:

– Mẫu hậu và hoàng huynh ơi, cớ sao lại than khóc?

Và khi nghe duyên cớ, cậu bé bảo:

– Thôi được, đừng khóc nữa, con sẽ không để phụ vương xuất gia đâu.

Rồi vương tử an ủi hai vị xong, cùng nhũ mẫu bước xuống khỏi thượng lầu, đến yết kiến phụ vương và thưa:

– Tâu Phụ vương, thần nhi nghe nói Phụ vương sắp rời bỏ chúng con mà xuất gia, mặc dù chúng con không muốn. Vậy con không chịu để Phụ vương đi tu đâu.

Rồi ôm chặt lấy cổ vua cha, vương tử ngâm vần kệ:

213. Mẫu hậu đang ngồi khóc nỉ non,
Vương huynh cũng muốn giữ cha thương,
Con ôm vương phụ bằng tay vậy,
Chẳng để cha đi trái ý con.

Bậc Đại sĩ liền suy nghĩ: “Thằng bé này thật là mối nguy hiểm cho ta, ta làm thế nào để thoát được nó đây?” Rồi nhìn người nhũ mẫu, ngài bảo:

– Này hiền nhũ mẫu, hãy nhìn viên ngọc trang sức này, ta cho người đây, chỉ việc đem đưa bé này đi nơi khác, đừng để nó cản trở ta!

Vì ngài không thể tự mình tránh được cậu bé đang nắm chặt lấy tay ngài, ngài hứa ban thưởng cho nhũ mẫu ấy và ngâm kệ:

214. Gắng nuôi vương tử lớn lên dần,
Đem trẻ vui đùa chốn khác hơn,
E trẻ phá tan niềm hỷ lạc,
Cản chân ta vội đến thiên đường.

Nhũ mẫu nhận món quà thưởng và dỗ dành cậu bé rồi dẫn đi nơi khác. Bà vừa than khóc vừa ngâm kệ:

215. Ví ta từ khước hạt minh châu,
Ta chẳng màng chi, sẽ thế nào,
Vì Chúa thượng ta làm ản sĩ,
Bảo châu còn có nghĩa gì đâu?

Lúc ấy, vị đại tướng của ngài suy nghĩ: “Chắc đức vua tưởng ngài chỉ có rất ít bảo vật trong cung thôi. Vậy ta sẽ cho ngài biết ngài có vô số kẻ.” Vì thế, vị này đứng lên đánh lễ vua và ngâm kệ:

216. Đại vương đầy ắp mọi kho tàng,
Chúa thượng tạo nên đại phú cường,
Toàn cõi thế gian đều khuất phục,
Chớ làm ản sĩ, sống thư nhàn.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp vắn kệ:

217. Kho tàng đầy ắp các kim ngân,
Ta đã tạo nên đại phú cường,
Toàn cõi thế gian đều khuất phục,
Nay làm ản sĩ, bỏ phàm trần.

Khi ấy, một vị đại phú thương vừa đi đến có tên là Kulavaddhana, nghe lời liền đứng lại đánh lễ vua và ngâm kệ:

218. Đại vương, thần tột đỉnh giàu sang,
Chẳng đếm làm sao xiết bạc vàng,
Xin ngấm hạ thần dăng tất cả,
Đừng làm ản sĩ, sống thư nhàn.

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp vắn kệ:

219. Nay hỡi Kula, vẫn biết rằng,
Khanh mong dăng hiến cả kho tàng,
Song ta hướng đích về thiên giới,
Nên khước từ nhân giới dục tham.

Ngay khi Kulavaddhana nghe nói vậy và đi khuất rồi, vua liền bảo Hoàng đệ Somadatta:

– Nay Hoàng đệ, ta bất mãn như gà rừng bị nhốt trong lồng, ta nhàm chán

cuộc sống gia đình này lắm rồi. Ngay hôm nay ta sẽ làm ản sĩ, vậy hoàng đế hãy đảm nhận trọng trách cai trị nước này!

Giao phó xong việc cho vị kia, ngài ngâm kệ:

220. Nay Soma, trầm thấy ngay rằng,
Nhàm chán lạ thường khắp cảm quan,
Khi nghĩ chất chồng đầy ác nghiệp,
Nay đời ản sĩ bước lên đàng.

Nghe lời này, Hoàng đế Somadatta cũng muốn thành ản sĩ và để làm sáng tỏ vấn đề này, chàng ngâm kệ nữa:

221. Anh hỡi Suta đến ản mình,
Như lòng nguyện ước chốn am tranh,
Cầu mong đế cũng làm tu sĩ,
Đời chẳng nghĩa gì nếu vắng anh.

Vua Sutasoma muốn từ chối lời này liền ngâm nửa vản kệ:

222. Hoàng đế đừng đi, kéo ngại rằng,
Khắp nơi đời sống thây đều ngưng.

Nghe như vậy, dân chúng quỳ xuống chân bậc Đại sĩ và than khóc:

Ví dầu hoàng đế này đi khuất,
Rồi sẽ ra sao, phận chúng thân?

Bậc Đại sĩ liền bảo:

– Thôi đừng than khóc nữa, dù lâu nay ta ở cùng các người, giờ đây ta cũng phải xa lìa các người, chẳng có gì trường tồn trong mọi pháp hữu vi cả.

Rồi ngài ngâm kệ thuyết pháp cho dân chúng:

223. Ngày như nước chảy lọc qua sàng,
Ngắn ngủi, than ôi, lướt vội vàng,
Đời sống xoay vần trong hạn hẹp,
Làm sao được phép thiếu siêng năng.

224. Ngày như nước chảy lọc qua sàng,
Ngắn ngủi, than ôi, lướt vội vàng,
Đời sống xoay vần trong hạn hẹp,
Chỉ người ngu xuẩn thiếu siêng năng.

225. Đầy đọa vì xiềng xích dục tham,
Lần ranh đọa xứ cứ lan tràn,
Càng đông ngã quỵ, súc sanh giới,
Hội chúng Ma vương cứ mãi tăng.

Bậc Đại sĩ thuyết pháp như vậy cho dân chúng rồi bước lên thượng lầu của cung Vạn Hoa, ngài đứng trên tầng thứ bảy, cắt búi tóc và bảo:

– Bây giờ, ta không là gì nữa đối với các người, vậy các người hãy chọn một vị vua khác đi!

Cùng với những lời này, ngài ném búi tóc của ngài, khăn đội đầu cùng các bảo vật khác xuống giữa quần thần dân chúng. Quần thần cầm lấy búi tóc, lăn lóc trên mặt đất kêu gào thảm thiết. Rồi một đám bụi từ nơi ấy tung lên cao, dân chúng đứng lùi lại nhìn theo bảo nhau:

– Có lẽ đức vua đã cắt búi tóc và ném xuống cùng khăn đội đầu đủ cả vào dân chúng cho nên mới có đám bụi tung lên gần cung điện.

Rồi họ khóc than ngâm kệ:

226. Nhìn đám bụi kia chợt tóa cao,
Gần hoàng cung Đại Vạn Hoa lâu,
Chắc rằng Minh đế lừng danh vọng,
Đã cắt tóc ngài với bảo đao!

Còn bậc Đại sĩ truyền gọi một quân hầu tìm đủ vật dụng cần thiết của một ả sĩ đem đến cho ngài, lại bảo người thợ hớt tóc cạo sạch râu tóc cho ngài. Ném chiếc bào rực rỡ xuống bảo tòa, ngài cắt bỏ mọi dải lụa màu, đắp lên người những miếng vải màu vàng nổi lại, buộc cái chén đất lên đầu vai trái rồi cầm chiếc gậy nhỏ đi đường, ngài đi lui đi tới trên thượng lầu, sau đó bước xuống lầu đi ra đường, song không ai nhận ra ngài khi ngài đi xuống cả.

Còn bảy trăm cung tần bước lên thượng lầu không tìm thấy ngài mà chỉ thấy đồng xiêm y của ngài liền bước xuống bảo mười sáu ngàn cung phi khác:

– Đại đế Sutasoma, Chúa thượng tôn quý của chúng ta đã trở thành ả sĩ rồi.

Và họ than khóc bước ra. Vừa lúc ấy, dân chúng hay tin ngài đã làm ả sĩ, cả kinh thành chấn động hẳn lên, dân chúng bảo nhau:

– Người ta bảo đức vua đã trở thành ả sĩ rồi.

Họ đều tụ tập tại cung môn, kêu lên:

– Chúa thượng chắc đang ở một nơi nào đó.

Rồi họ đổ xô ra khắp nơi ngài thường lui tới, song không tìm được ngài. Họ đi lang thang đây đó, vừa than khóc vừa ngâm kệ:

227-42. Nay đây cung điện, tháp lầu vàng,
Lung lẳng vòng hoa tỏa ngát hương,
Rộn rịp bao cung tần mỹ nữ,
Ngày xưa Chúa thượng ngự du thường.
Giăng mắc vòng hoa, dát ngọc vàng,
Ta nhìn cung điện nóc cao sang,
Là nơi hoàng tộc châu bên cạnh,
Đại đế kiêu hùng bước dọc ngang.

Đây vườn thượng uyển rực muôn hoa,
 Thay đổi quanh năm với các mùa,
 Rộn rịp bao cung tần mỹ nữ,
 Ngày xưa Chúa thượng ngự loan xa.
 Hồ kia phủ khắp đám sen xanh,
 Nơi chôn chim muông đến lượn quanh,
 Tất cả hoàng gia châu cạnh đó,
 Ngày xưa Chúa thượng vẫn du hành.

Cứ thế, dân chúng vừa đi khắp nơi vừa than khóc rồi trở lại sân châu, họ ngâm kệ:

243. Thật buồn thay, Chúa thượng Soma,
 Đã bỏ ngai vàng để xuất gia,
 Mặc chiếc hoàng y, ngài rảo bước,
 Như voi đơn độc lạc đường xa.

Rồi họ ra đi, bỏ hết nhà cửa đồ đạc, dắt theo con cái, cha mẹ và cháu chắt đi theo Bồ-tát. Họ cùng đi theo với mười sáu ngàn cung phi ca múa. Cả kinh thành như bãi sa mạc vì dân chúng đi theo nhau cả. Bồ-tát và dân chúng chiếm cứ một vùng mười hai do-tuần về Tuyết Sơn.

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka chú tâm đến đại sự xuất thế của ngài liền bảo Vissakamma:

– Nay Hiền hữu Vissakamma, Vua Sutasoma đã từ bỏ thế tục. Ngài phải có nơi ẩn cư, vì dân chúng tụ tập quanh ngài rất đông. Hãy đi dựng am thất ẩn sĩ dài ba mươi do-tuần, rộng năm do-tuần trên bờ sông Hằng ở vùng Tuyết Sơn!

Vị này tuân lệnh, cung cấp các lều ẩn sĩ đầy đủ mọi vật dụng cần thiết và lại làm một con đường dẫn đến đó rồi trở về thiên giới.

Bậc Đại sĩ theo đường này đến vùng am tranh. Sau khi tự xuất gia trở thành ẩn sĩ, ngài độ cho những người còn lại thành ẩn sĩ, nhiều người khác cũng tu theo, khu vực ba mươi do-tuần này đông đảo người tu. Lúc bấy giờ, việc Vissakamma xây am ẩn sĩ ra sao, đại chúng được truyền giới như thế nào, vùng am thất của Bồ-tát được sắp đặt ra sao đã được biết đến trong *Chuyện Hiền giả Hatthipāla*.¹⁶ Ở đây, nếu có một dục tướng hay tà kiến nào khởi lên trong tâm bất cứ người nào, bậc Đại sĩ liền đến gần người đó ở trên không, ngồi kiết-già giữa không gian và thuyết pháp qua hai vầng kệ:

244. Quên đi chuyện ái dục ngày xưa,
 Khi vẽ mặt người vẫn cột đùa,
 Kéo sợi kinh thành hoan lạc ấy,
 Làm bưng dục vọng, phải tiêu ma.

¹⁶ Xem J. IV. 474, *Hatthipāla-jātaka* (Chuyện Hiền giả Hatthipāla), số §509.

245. Thoát người tham đắm, tự điều thân,
Thiện ý ngày đêm với thể nhân,
Người sẽ hưởng ngôi nhà thượng giới,
Nơi người hành thiện đến chung phần.

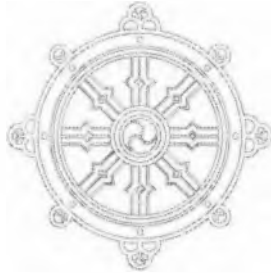
Hội chúng ẩn sĩ này hành trì theo lời giáo huấn của ngài nên được tái sinh lên Phạm thiên giới. Câu chuyện được kể giống hệt như trong *Chuyện Hiền giả Hatthipāla*.¹⁷

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt thời pháp thoại, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Như Lai đã làm đại sự xuất thế.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, song thân là phụ vương và mẫu hậu trong triều đình, Candā là mẹ Rāhula (La-hầu-la), thái tử là Sāriputta (Xá-lợi-phất), tiểu vương tử là Rāhula, nhũ mẫu là Khujjuttarā, vị phú thương Kulavaddhana là Kassapa (Ca-diếp), vị đại tướng là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Hoàng đệ Somadatta là Ānanda (A-nan) và Vua Sutasoma chính là Ta.



¹⁷ Như trên.

